

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 05 năm 2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../QĐ-SGDHN

do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng. . . năm 2016)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02803.829.154 Fax: 02803.829.056

Website: www.ximanglahien.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 043.944.5888 Fax: 043.944.5889 Website: www.vise.com.vn

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: Tầng trệt, số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 083.915.2930 Fax: 083.915.2931

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Văn Dũng Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: 02803.829.154

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMİ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 05 năm 2014)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng La Hiên
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	10.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	:	100.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 944 5888 Fax: (84-4) 3 944 5889

Website: www.vise.com.vn



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH PKF Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 10, Center Building, Dự án Hapulico Complex,
số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 66644488 Fax: (84-4) 66642233

Website: www.pkf.com.vn



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1.	Rủi ro về kinh tế.....	1
1.1.	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP).....	1
1.2.	Lạm phát.....	2
1.3.	Lãi suất.....	3
1.4.	Tỷ giá hối đoái.....	4
2.	Rủi ro về luật pháp.....	5
3	Rủi ro đặc thù.....	5
3.1.	Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào.....	5
3.2.	Rủi ro cạnh tranh.....	6
4.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	6
5.	Rủi ro khác.....	7
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1.	Tổ chức niêm yết.....	8
2.	Tổ chức tư vấn.....	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	9
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.1	Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	10
1.2	Quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.3	Các thành tích đạt được.....	12
2.	Cơ cấu tổ chức của công ty.....	14
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông.....	24
3.1	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	24
3.2	Danh sách cổ đông sáng lập: không có.....	25
3.3	Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	25
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	25
5.	Hoạt động kinh doanh.....	26

5.1	Các sản phẩm chính của Công ty.....	26
5.2.	Nguồn cung cấp nguyên vật liệu	31
5.3.	Chi phí sản xuất	36
5.4.	Công nghệ sản xuất.....	37
5.5.	Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.....	42
5.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	43
5.7.	Hoạt động Marketing.....	44
5.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	44
5.9.	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc được ký kết	45
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	46
6.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh	46
6.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	46
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.....	49
7.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	49
7.2	Triển vọng phát triển của ngành	50
7.3.	Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	53
8.	Chính sách đối với người lao động.....	56
8.1.	Số lượng cán bộ nhân viên của Công ty	56
8.2.	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	56
9.	Chính sách cổ tức.....	57
10.	Tình hình hoạt động tài chính	58
10.1	Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua	58
10.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	64
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	65
11.1	Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	65
11.2.	Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị.....	66
11.3.	Lý lịch thành viên Ban Giám đốc	72
11.4.	Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát.....	76
11.5.	Kế toán trưởng	80
12.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty	80
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016	81
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	85

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết ...	85
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	85
1. Loại chứng khoán.....	85
2. Mệnh giá.....	85
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	85
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành	85
5. Giá trị sổ sách.....	87
6. Phương pháp tính giá.....	87
6.1. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B.....	87
6.2. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E	87
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	88
8. Các loại thuế có liên quan.....	88
8.1. Đối với Công ty.....	88
8.2. Đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng khoán	89
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	91
1. Tổ chức tư vấn	91
2. Tổ chức kiểm toán.....	91
VII. PHỤ LỤC.....	92

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

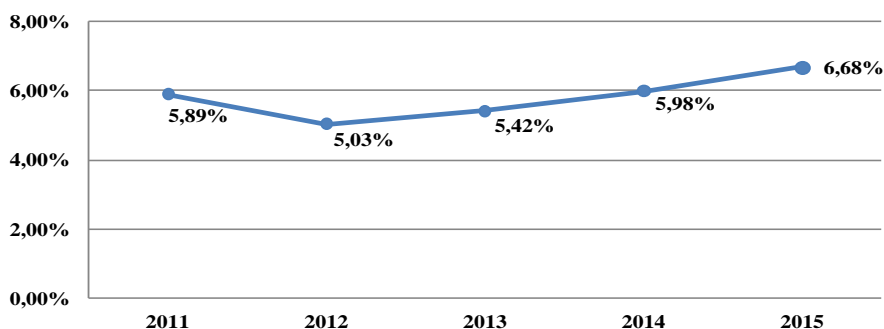
Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP)

Kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn ổn định từ năm 2014 sau ảnh hưởng tiêu cực từ lạm phát tăng cao và suy thoái kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng GDP của Việt Nam năm 2014 khoảng 5,98% so với năm 2013, cao hơn con số 5,8% của Chính phủ đề ra và là mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2012. Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế đang có những dấu hiệu phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh có những chuyển biến tích cực.

Tình hình kinh tế tiếp tục có những điểm nhấn khi tốc độ tăng GDP năm 2015 tăng mạnh, đạt mức 6,68%, mức cao nhất trong vòng 05 năm trở lại đây, vượt mức 6,2% kế hoạch đầu năm. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, quy mô nền kinh tế năm 2015 theo giá hiện hành đạt 4.192.900 tỷ đồng. Theo đó, GDP bình quân đầu người năm 2015 ước đạt 45,7 triệu đồng/người, tương đương 2.109 USD, tăng 57 USD so với năm 2014. Trong mức tăng trưởng 6,68% năm 2015, khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41% - đóng góp 0,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64% - đóng góp 3,2 điểm phần trăm, và khu vực dịch vụ tăng 6,33% - đóng góp 2,43 điểm phần trăm.

Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011 –2015



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2016 sẽ là năm khởi đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020. Đây cũng là năm khởi đầu một tiến trình hội nhập mới khi hàng loạt cam kết hội nhập có hiệu lực. Chính phủ dự kiến mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm nay đạt 6,7% và tốc độ tăng CPI đạt dưới 5%. Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam năm 2016 sẽ đạt 6,6% (gần sát với mục tiêu kế hoạch của Chính phủ là 6,7%). Có thể nói, nền kinh tế Việt Nam năm 2016 được đánh giá sẽ còn tiếp tục tăng trưởng cao và nền kinh tế vĩ mô sẽ được giữ ổn định.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo sự đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại. Hiện nay, Việt Nam vẫn là một trong những nước đang trong giai đoạn phát triển, nhu cầu đầu tư, xây dựng cao, kéo theo nhu cầu về xi măng sẽ tiếp tục gia tăng. Do đó, cùng với sự phát triển của đất nước, ngành xi măng hứa hẹn sẽ ngày càng phát triển.

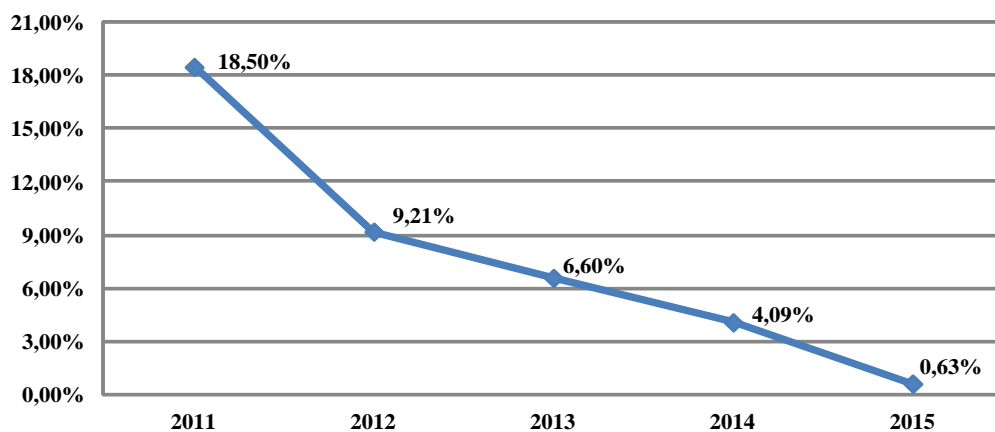
Trong bối cảnh này, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI xác định sẽ chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành chỉ đạo, xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

1.2. Lạm phát

Nhờ những chính sách quyết liệt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ mà lạm phát của Việt Nam từ mức hai con số năm 2011 đã giảm xuống còn 9,21% năm 2012, 6,6% năm 2013 và đạt mức thấp nhất trong 10 năm qua, tương ứng 4,09% trong năm 2014. Sang năm 2015, Chính phủ đặt mục tiêu lạm phát ở mức 5%. Tuy nhiên, trên thực tế, CPI bình quân năm 2015 chỉ tăng 0,63% so với năm 2014, thấp nhất trong vòng 14 năm qua. Một số nguyên nhân như nguồn cung về lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào, giá luôn ở mức thấp; giá nguyên, nhiên liệu trên thị trường thế giới giảm mạnh làm cho giá xăng dầu trong nước cũng được điều chỉnh giảm, kéo theo chỉ số giá nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng và nhóm Giao thông năm nay lần lượt giảm 1,62% và 11,92% so với năm

trước, trong đó riêng giá xăng dầu giảm 24,77% so với năm trước, góp phần giảm CPI chung 0,9%. Ngoài ra, mức độ điều chỉnh giá của nhóm hàng do Nhà nước quản lý như dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế thấp hơn so với năm trước,... Trong hai năm gần đây, CPI tăng thấp, ngoài các nguyên nhân nêu trên, còn có yếu tố tâm lý, chi tiêu của người dân được tính toán kỹ lưỡng hơn, cân nhắc hơn. Dù lạm phát thực tế thấp xa so với kế hoạch đề ra cho thấy mặt tích cực là kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, tạo lòng tin vào đồng tiền Việt Nam, nhưng cũng cho thấy điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa thắt chặt. Điều này đã tác động trực tiếp đến hoạt động doanh nghiệp, khiến số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể lớn, đáng báo động và sẽ tác động tiêu cực trong trung hạn, dài hạn.

Lạm phát Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đối với Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI, mặc dù lạm phát thấp như vậy nhưng các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như chi phí điện, than, ... lại có xu hướng gia tăng, phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất

Một doanh nghiệp khi huy động vốn vay từ bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chịu rủi ro khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm.

Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) hiện đang điều hành chính sách lãi suất theo xu hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát nhằm giảm lãi suất cho vay. Hiện nay, mức lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam tại

các ngân hàng được duy trì ở mức 9,3 – 11%/năm đối với sản xuất kinh doanh thông thường và 9 – 10,5%/năm đối với các lĩnh vực ưu tiên.

Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI sử dụng nguồn vốn vay trung và dài hạn làm nguồn tài trợ chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, diễn biến lãi suất trong giai đoạn gần đây có tác động tích cực tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và biến động của tỷ giá hối đoái dẫn đến những tác động bất lợi cho doanh nghiệp.

Diễn biến tỷ giá trong năm 2014 được các chuyên gia đánh giá là thành công khi tỷ giá được giữ ổn định nhờ những chính sách điều hành hiệu quả của Ngân hàng Nhà nước. Trong cả năm 2014, tỷ giá chỉ tăng 1% lên 21.246VNĐ/USD và là năm thứ ba liên tiếp NHNN giữ được tỷ giá ổn định, chỉ điều chỉnh 1%. Tuy nhiên, bước sang năm 2015, diễn biến tỷ giá trở nên căng thẳng khi có nhiều sự kiện kinh tế nằm ngoài dự đoán như giá dầu giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, FED tăng lãi suất, sự suy thoái của kinh tế Châu Âu, cuộc khủng hoảng kinh tế Hy Lạp và đặc biệt là việc Ngân hàng trung ương Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ. Điều này đã ảnh hưởng đến tỷ giá các quốc gia trên thế giới và khu vực, trong đó có Việt Nam.

Trong năm 2015, NHNN Việt Nam đã có 03 lần thực hiện điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ, mỗi lần tăng thêm 1% vào các ngày 7.1, 7.5 và 19.8. Ngoài ra, NHNN Việt Nam cũng đã 2 lần điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá vào ngày 11/8/2015 từ mức +/-1% lên +/-2% và ngày 19/8/2015 từ +/-2% lên +/-3%. Mặc dù việc nới rộng biên độ tỷ giá tới thời điểm này không đồng thuận với cam kết của NHNN từ đầu năm khi không điều chỉnh tỷ giá quá 2% nhưng sự can thiệp này sẽ làm giảm sức ép lên tỷ giá, tỷ giá đồng Việt Nam sẽ có dư địa đủ lớn để linh hoạt trước các diễn biến bất lợi trên thị trường quốc tế và trong nước, tạo sự ổn định vững chắc cho thị trường ngoại tệ và đảm bảo khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Sức ép tỷ giá được dự báo sẽ tiếp tục lớn trong năm 2016 do thâm hụt cán cân thương mại (năm 2015, cán cân thương mại thâm hụt gần

3,5 tỷ USD) và cán cân thanh toán, Đồng Nhân dân tệ tiếp tục mất giá bên cạnh việc Fed có khả năng tiếp tục tăng lãi suất.

Đến ngày 31/12/2015, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI đang có khoản vay bằng đồng Đô la Mỹ để thực hiện đầu tư cho các dự án với số dư là 275.507,04 USD. Do vậy, khi nhà nước có thay đổi tỷ giá ngoại tệ tăng sẽ làm tăng chi phí lãi vay, gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác đến lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Là quốc gia đang phát triển, đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường nên hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung, dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3 Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Những vật tư, nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, thạch cao, đá bazan, cước vận tải,... Về nguyên liệu chính, Công ty có lợi thế sở hữu mỏ nguyên liệu trữ lượng lớn và chất lượng cao, đáp ứng cho việc sản xuất xi măng. Còn đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài có đặc tính biến động theo giá thị trường, một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất

thoát nguyên nhiên vật liệu; mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Vị trí công ty nằm trong khu vực có mật độ tập trung các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước (toàn Tỉnh Thái Nguyên hiện có 05 Nhà máy xi măng) do đó tình trạng cung vượt cầu rất lớn dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa, đẩy mặt bằng giá xuống thấp, đặc biệt là Clinker xuất khẩu. Ngoài ra, trong thời gian tới, công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm xi măng nước ngoài khi Việt Nam mở cửa theo các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP),...



Phân bố các nhà máy xi măng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI luôn vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng,

tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giảm sản lượng hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất đối với Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Ngô Ngọc Sơn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Văn Dũng	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Phạm Đình Nguyên	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Bà: Lê Thị Thu Hiền	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Người đại diện: Ông Vũ Hoàng Minh

Chức vụ: Giám đốc điều hành

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2015/UQ-TGD của Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc tế Việt Nam cho Ông Vũ Hoàng Minh)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNKT	Công nghệ kỹ thuật
Công ty	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
KHVT	Kế hoạch vật tư
KTTKTC	Kế toán thống kê tài chính
LNST	Lợi nhuận sau thuế
Quy chế quản trị Công ty	Quy chế quản trị Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
SXKD	Sản xuất kinh doanh
GD	Giám đốc
Tổ chức niêm yết	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
KTSXXM	Kỹ thuật sản xuất xi măng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- ❖ Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
- ❖ Tên tiếng Anh : LA HIEN CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- ❖ Trụ sở chính : Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
- ❖ Điện thoại : 02803.829.154
- ❖ Fax : 02803.829.056
- ❖ Website : www.ximanglahien.com.vn
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn)
- ❖ Vốn điều lệ thực góp : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn)
- ❖ Logo :
- ❖ Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn Dũng – Giám đốc
- ❖ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 4600422240 (số cũ là 1703000349) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 5 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);...

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL – BCCB – LD ngày 31 tháng 12 năm

1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP) thuộc Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ – BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMI.
- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ – HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành công ty cổ phần.
- Ngày 15/11/2007 tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội), giá đấu thành công bình quân là 11.089 đồng/cổ phần.
- Ngày 01/01/2008, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo giấy đăng ký kinh doanh số 1703000349 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Từ thời điểm chuyển thành công ty cổ phần đến nay công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.
- Năm 2008, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.
- Ngày 18/03/2016, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 19/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 10.000.000 cổ phiếu.



Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

1.3 Các thành tích đạt được

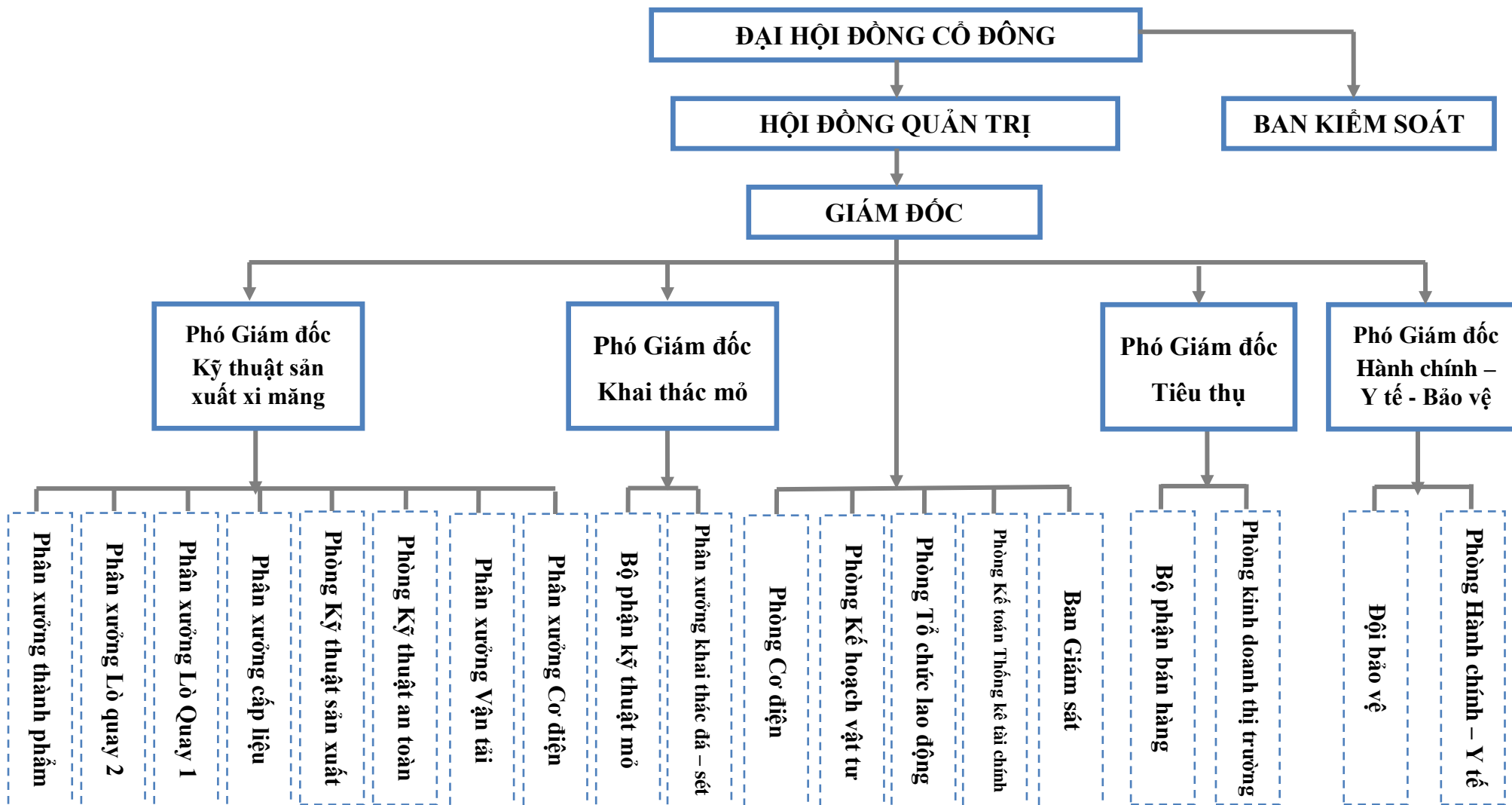
Trải qua hơn 20 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành với những thành tích đã đạt được, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI đã được Nhà nước, Chính phủ và cấp trên tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

Thời gian	Thành tích
Giai đoạn 1995 – 1999	Huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1995 – 1999 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc
Giai đoạn 1996 – 1998	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1996 – 1998 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc
Năm 2000	Bằng khen của Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào xanh, sạch, đẹp và đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động năm 2000.
Giai đoạn 2000 – 2004	Bằng khen của Bộ Công An vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ An ninh Tổ quốc
Giai đoạn 2003 – 2006	Bằng khen của Bộ Tài chính – Tổng cục Thuế vì đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế
Năm 2004	Hội chữ thập đỏ Việt Nam tặng bằng khen cán bộ công nhân viên Công ty vì đã có nhiều thành tích trong công tác nhân đạo
Giai đoạn 2004 – 2008, 2013	Huân chương lao động hạng Nhì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2004 – 2008 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc
Năm 2006	Bằng khen của Bộ Công thương vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2006

BẢN CÁO BẠCH

	Bộ Y tế tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người lao động
Năm 2013, 2014	Cờ thi đua của Bộ Công thương, đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh
Các bằng khen của các cấp, các ngành của tỉnh Thái Nguyên	
Bằng khen, cờ thi đua của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên, của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên, của Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên vì đã có thành tích xuất sắc về công tác như sản xuất kinh doanh, công tác bảo hộ lao động, công tác sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc	
Bằng khen của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc Vinacomin vì đã có thành tích xuất sắc về công tác như đơn vị sản xuất kinh doanh khá nhất về quản lý giá thành, về tổ chức công đoàn cơ sở vững mạnh vững chắc.	

2. Cơ cấu tổ chức của công ty



Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên – VVMi

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI bầu. Hiện tại, Hội đồng quản trị gồm (05) năm thành viên, trong đó có một Chủ tịch Hội đồng quản trị và bốn thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Cơ cấu HĐQT đương nhiệm:

1. Ngô Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT
2. Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên HĐQT
3. Lê Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT
4. Trần Việt Cường - Ủy viên HĐQT
5. Phạm Mạnh Tiến - Ủy viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm (03) ba thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trách nhiệm chính của Ban Kiểm soát là giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

1. Nguyễn Anh Tuấn - Trưởng ban Kiểm soát
2. Hồ Thị Huệ - Ủy viên ban Kiểm soát
3. Nguyễn Xuân Hậu - Ủy viên ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc, các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty. Trách nhiệm chính của Giám đốc và các Phó Giám đốc là:

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại:

1. Nguyễn Văn Dũng - Giám đốc
2. Lê Bá Chức - Phó Giám đốc
3. Bùi Xuân Hồng - Phó Giám đốc
4. Nguyễn Văn Tập - Phó Giám đốc
5. Vũ Ngọc Bách - Phó Giám đốc

Các phòng ban, chức năng

• Phòng Kế toán Thống kê Tài chính

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty, thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

- Tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ hạch toán kế toán của Công ty theo quy định của pháp luật và của cấp trên.
- Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính, cân đối nguồn vốn, huy động nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty.
- Tổng hợp quản lý tài sản của doanh nghiệp, chủ trì công tác kiểm kê.
- Tổ chức theo dõi công nợ, thực hiện thủ tục bù trừ công nợ, thanh toán tiền hàng, tiền công, tiền lương, và quản lý thu chi hợp lý, hợp lệ, đúng quy định của pháp luật và của Công ty.

- Tổ chức thu tiền và thu hồi công nợ.
- Tổ chức quản lý, cập nhật bổ sung cơ sở dữ liệu thống kê sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Tham gia nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, kiểm kê quản lý tồn kho vật tư, nguyên nhiên liệu và sản phẩm.
- Tổ chức báo cáo công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định.
- Tổ chức kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện cáo bạch kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định.

● **Phòng kế hoạch vật tư**

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty ; thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

- Tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn trong Công ty.
- Chủ trì xây dựng kế hoạch giá thành sản xuất, định mức tiêu hao vật tư, năng suất thiết bị và chỉ tiêu giao khoán. Giám sát và nghiệm thu giá thành sản xuất và định mức giao khoán. Đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh trong Công ty.
- Xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm kế hoạch và dài hạn.
- Tổ chức quản lý kho bãi vật tư, nguyên liệu và sản phẩm, kiểm tra giám sát tình hình quản lý và sử dụng vật tư nguyên liệu. Đề xuất phương án xử lý vật tư tồn kho, ứ đọng trong Công ty.
- Chuẩn bị nội dung đàm phán, soạn thảo hợp đồng và quản lý giám sát quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế trong công ty.
- Tổ chức quản lý hồ sơ sổ sách về công tác kế hoạch vật tư.
- Báo cáo công tác kế hoạch vật tư theo quy định.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ tháng, quý, năm trình Giám đốc phê duyệt.
- Lập thủ tục đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt.
- Lập dự toán xây dựng và tổ chức giám sát thi công các công trình xây dựng cơ bản của Công ty.

● **Phòng kỹ thuật sản xuất**

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty ; thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

Bộ phận kỹ thuật sản xuất xi măng:

- Tổ chức áp dụng công nghệ tiên tiến và tiến bộ khoa học kĩ thuật trong sản xuất xi măng.
- Tổ chức giải pháp công nghệ đưa năng xuất và chất lượng sản phẩm phát triển
- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy trình công nghệ cho các phân xưởng sản xuất.
- Lập phương án phối liệu đáp ứng các yêu cầu về chất lượng.
- Tổ chức thực hiện quy trình công nghệ xây dựng các điểm kiểm soát chất lượng.
- Kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ, quy phạm kỹ thuật trong dây chuyền sản xuất, Xử lý các vi phạm quy trình kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.
- Tiến hành kiểm tra và thử nghiệm mẫu theo kế hoạch kiểm soát chất lượng và các yêu cầu quy định trong thủ tục tương ứng.
- Bố trí nhân lực liên tục kiểm tra bán sản phẩm trên dây chuyền sản xuất theo quy trình kiểm tra đã quy định.
- Báo cáo Giám đốc xử lý những lô bán sản phẩm và sản phẩm không đạt chất lượng.
- Đề xuất và theo dõi các hành động khắc phục và phòng ngừa đối với sản phẩm.
- Nghiệm thu số lượng và chất lượng các sản phẩm trong dây chuyền sản xuất.
- Duy trì và đảm bảo việc hiệu chuẩn các thiết bị kiểm tra đo lường và thử nghiệm thuộc phòng quản lý.

Bộ phận Khai thác đá – sét.

- Nghiên cứu lập kế hoạch trung hạn và dài hạn kế hoạch khai thác đá vôi, đất sét nguyên liệu của Công ty.
- Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch khai thác nguyên liệu phục vụ sản xuất;
- Lập phương án và biện pháp an toàn khai thác đá vôi, đất sét.
- Hướng dẫn kỹ thuật khai thác cho phân xưởng Khai thác đá, sét.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện quy trình khai thác đá, sét, xử lý các vi phạm quy trình kỹ thuật khi khai thác.

- Tổ chức sử dụng và quản lý vật liệu nổ công nghiệp đúng qui định.
- Đề xuất, theo dõi các hành động khắc phục và phòng ngừa đối với chất lượng đá, đất sét.
- Nghiệm thu sản lượng đá vôi, đất sét.

• **Ban giám sát**

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty ; thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

- Theo dõi và trực tiếp tổ chức kiểm tra giám sát công tác quản lý chăm sóc thiết bị của các đơn vị phân xưởng sản xuất;
- Phát hiện các dấu hiệu hư hỏng máy móc thiết bị trong dây chuyền, phối hợp cùng các đơn vị đưa ra phương án xử lý sửa chữa nhằm đảm bảo cho thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định về chất lượng, năng suất và tăng thời gian huy động.

• **Đội bảo vệ**

- Xây dựng kế hoạch bảo vệ sản xuất, phòng chống cháy nổ, bảo đảm an ninh trật tự xã hội trong khu vực công ty quản lý.
- Tổ chức công tác bảo vệ kho tàng bến bãi (vật tư thiết bị, nguyên nhiên và vật liệu nổ công nghiệp).
- Tổ chức quản lý hộ tịch hộ khẩu trong Công ty.
- Tham mưu cho giám đốc và triển khai thực hiện công tác quân sự của Công ty.
- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ và công tác quân sự của Công ty theo định kỳ.

• **Phòng hành chính – Y tế**

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty ; thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

- Tổng hợp lập chương trình công tác của Công ty, lãnh đạo Công ty, tổ chức thực hiện chương trình công tác đã được giám đốc phê duyệt.
- Lập lịch, bố trí cuộc họp, thông báo thông tin nội bộ, nội dung các bản bản mới có liên quan và nghị quyết các cuộc họp.
- Tổ chức thực hiện nghiệp vụ văn phòng, đón và bố trí lịch tiếp khách đến làm việc với lãnh đạo và các phòng ban nghiệp vụ Công ty.
- Lập kế hoạch trang bị thiết bị văn phòng cho bộ máy quản lý và bộ phận hành chính của Công ty.

- Quản lý và sử dụng thiết bị văn phòng, điều phối xe con phục vụ công tác kịp thời và hiệu quả.
- Tổ chức tiếp nhận và phân phối công văn tài liệu kịp thời chính xác.
- Kiểm soát các văn bản, tài liệu của Công ty trước khi ban hành tới các cơ quan, đơn vị.
- Lập kế hoạch mua sắm, thực hiện sửa chữa các trang thiết bị văn phòng, đảm bảo mạng lưới thông tin liên lạc thông suốt.
- Tổ chức xây dựng đề án và thực hiện xây dựng khu tập thể văn minh và nhà ăn công nhân văn minh.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch văn hoá thể thao trong công ty.

• **Phòng Tổ chức lao động**

Phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty, thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau:

- Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tiền lương.
- Xây dựng hệ thống định mức và giao khoán tiền lương trong toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế quản lý quỹ tiền lương. Tính toán chi trả tiền công, tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ và công nhân lao động trong Công ty hợp lý đầy đủ và đúng quy định.
- Tổ chức triển khai thực hiện việc định biên và hệ thống định mức lao động và giao khoán trong Công ty.
- Tổ chức quản lý chế độ độc hại và trang cấp trang phục bảo hộ lao động cá nhân.
- Quản lý chế độ nghỉ hàng năm và ngày công lao động.
- Điều động luân chuyển người lao động trong nội bộ.
- Thực hiện các biện pháp kinh tế để khuyến khích người Lao động trong Công ty nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả công tác (thưởng tác nghiệp và đột xuất nguồn thưởng trong quỹ tiền lương.
- Tham mưu lập đề án kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty

- Xây dựng kế hoạch lao động, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và tay nghề cho người lao động đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của Công ty.
- Tổ chức quản lý hồ sơ lao động cá nhân, quản lý và lưu trữ hồ sơ tài liệu có liên quan đến công tác tổ chức nhân sự theo trình tự khoa học và đúng quy định.
- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, quy chế quản lý của Công ty.
- Tuyển dụng, Hợp đồng và phân công lao động khoa học hợp lý;
- Thanh lý chấm dứt Hợp đồng và giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo quy định.
- Tổ chức thi nâng bậc và nâng lương cho cán bộ và công nhân lao động trong Công ty.
- Đề xuất phương án sắp xếp lao động, đề bạt cán bộ.
- Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật lao động.
- Tổ chức thực hiện chế độ chính sách BHXH, BHYT đối với cán bộ và công nhân lao động theo đúng quy định.
- Tổng hợp báo cáo các công tác chuyên môn nghiệp vụ thuộc chức năng của phòng theo quy định.

• **Phòng cơ điện**

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty ; thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

- Lập kế hoạch đổi mới, đầu tư lắp đặt thiết bị (năm và hàng năm)
- Lập kế hoạch sửa chữa tài sản cố định cấp trung đại tu.
- Lập nhu cầu vật tư, phụ tùng cho vận hành và sửa chữa thiết bị cơ điện theo kế hoạch.
- Tổ chức nghiệm thu công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo tính năng kỹ thuật và an toàn.
- Xây dựng hệ thống định mức chi phí sửa chữa thường xuyên các thiết bị trong dây truyền sản xuất.
- Tổ chức cung cấp điện phục vụ cho sản xuất kịp thời đúng kỹ thuật an toàn, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt.
- Lập phương án cân chỉnh hệ thống quản lý công tác cơ điện.
- Tổ chức định mức và giao khoán tiêu hao điện năng cho các đơn vị trong công ty.

- Tổ chức xây dựng, biên soạn bổ sung hoàn chỉnh các quy trình, quy phạm, quy tắc quản lý công tác cơ điện.
- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo thực hiện quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, quy tắc quản lý cơ điện.
- Lập chương trình phổ biến, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cơ điện.
- Tổ chức xây dựng, bổ sung các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật hàng năm.
- Tổng hợp phân tích tình hình sử dụng thiết bị trong nhà máy.
- Tổ chức cập nhật hồ sơ tài liệu kỹ thuật cơ điện.
- Tổ chức phổ biến phương thức phát triển sản xuất của nhà máy.
- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy trình vận hành, bảo dưỡng, khắc phục sự cố và trung đại tu các thiết bị cho các phân xưởng.
- Xác lập các nhu cầu vật tư thay thế và dự phòng, nhiên liệu, nguồn lực để xây dựng và thực hiện kế hoạch huy động thiết bị.
- Lập kế hoạch và theo dõi việc bảo dưỡng thiết bị và kiểm định các thiết bị đo lường.
- Nghiệm thu việc khắc phục sự cố, bảo dưỡng và trung đại tu các thiết bị.
- Cập nhật báo cáo về công tác cơ điện.
- Đề xuất và theo dõi các hành động khắc phục và phòng ngừa đối với các thiết bị.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa sự cố và trung đại tu các thiết bị trong nhà máy. Báo cáo, đề xuất với Giám đốc xử lý các vi phạm về quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa sự cố và trung đại tu thiết bị.

• **Phòng kinh doanh – thị trường**

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty, thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Tổ chức nghiên cứu mở rộng thị trường.
- Tiếp thị đàm phán và soạn thảo các hợp đồng mua bán sản phẩm Clanhke-xi măng của Công ty.

- Quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng tiêu mua bán Clinker xi măng.
- Tổ chức thu tiền bán hàng và thu hồi công nợ bán hàng.
- Quản lý hồ sơ tài liệu và các văn bản có liên quan đến công tác tiêu thụ Clinker xi măng.
- Tổ chức tiếp nhận và giải đáp kiến nghị của khách hàng.
- Báo cáo kết quả tiêu thụ và tình hình thị trường xi măng .
- Xác lập nhu cầu tiêu thụ, tiến hành các hoạt động giới thiệu sản phẩm.
- Chọn đại lý trong mạng lưới phân phối.
- Tổng hợp sản lượng tiêu thụ sản phẩm hàng tháng.
- **Bộ phận bán hàng**
 - Thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu Ban Giám đốc đưa ra;
 - Quản trị hàng hóa, nhập xuất hàng hóa, điều phối hàng hóa cho các cửa hàng, đặt hàng sản xuất;
 - Tham mưu đề xuất cho Ban Giám đốc để xử lý các công tác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - Tham gia tuyển dụng, đào tạo, hướng dẫn nhân sự thuộc bộ phận mình phụ trách;
 - Kiểm tra giám sát công việc của nhân viên thuộc bộ phận mình, quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc bộ phận.
- **Phòng Kỹ thuật an toàn - môi trường**

Phòng có chức năng giúp việc cho Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty ; thực hiện một số lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ sau :

 - Tổ chức lập kế hoạch an toàn – Bảo hộ lao động hàng tháng, quý và cả năm theo quy định. Tổ chức và đôn đốc thực hiện kế hoạch đó.
 - Tham gia lập biện pháp kỹ thuật an toàn và hướng dẫn thực hiện biện pháp kỹ thuật an toàn trong Công ty.
 - Tổ chức kiểm tra giám sát kỹ thuật an toàn trong sản xuất, thực hiện quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn trong vận hành máy móc thiết bị, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, quản lý bảo quản sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
 - Tham gia hướng dẫn thực hiện cấp cứu trong việc giải quyết triệt tiêu sự cố.

- Tổ chức điều tra, giải quyết các sự cố trong sản xuất, các tai nạn lao động, phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.
- Công bố các thông tin về môi trường và an toàn – bảo hộ lao động có liên quan.
- Thực hiện báo cáo về công tác an toàn – bảo hộ lao động theo quy định.
- Xác định nhu cầu huấn luyện an toàn hàng năm. Chuẩn bị đề cương tài liệu huấn luyện kỹ thuật an toàn – Bảo hộ lao động phù hợp với chức danh công việc của từng loại lao động.
- Đề nghị khen thưởng và kỷ luật về công tác an toàn – bảo hộ lao động.

• **Phân xưởng cấp liệu**

Sản xuất gia công nguyên liệu, nghiền phối nguyên liệu, cấp cho xưởng lò nung.

• **Phân xưởng lò quay**

Sản xuất, nung luyện clinker và nguyên liệu thạch cao, phụ gia giơ, nghiền.

• **Phân xưởng thành phẩm**

Tiếp nhận xi măng và đóng bao theo yêu cầu kỹ thuật.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 29/02/2016

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐK KD	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1.	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	0100100015	5.138.300	51,38%
2.	CTCP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	118/GP-UBCK	700.000	7,00%
3.	Đồng Quang Lực	Tổ 2, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	090526845	564.900	5,65%
	Tổng cộng			6.403.200	64,03%

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập: không có

3.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 29/02/2016

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	543	10.000.000	100%
1	Tổ chức	3	5.848.300	58,483%
2	Cá nhân	540	4.151.700	41,517%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
	Cộng	543	10.000.000	100%

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMi

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

4.1 Công ty mẹ của Công ty: Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP

- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0100100015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/04/2006, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 01/10/2015
- Vốn điều lệ: 1.050.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Công nghiệp than: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, sàng tuyển, chế biến, kinh doanh các sản phẩm than;
 - Công nghiệp khoáng sản: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, làm giàu quặng, sản xuất và kinh doanh khoáng sản;

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: Đầu tư, xây dựng, sản xuất và kinh doanh xi măng; vật liệu xây dựng, vỏ bao xi măng và các sản phẩm bao bì khác.
- Điện thoại: 04 36647515 Fax: 04 36647493
- Vốn đầu tư tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (tính theo mệnh giá): 51.383.000.000 đồng, chiếm 51,383% vốn điều lệ của Công ty

4.2 Công ty con: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Các sản phẩm chính của Công ty

Các sản phẩm chính của công ty bao gồm: Xi măng Portland hỗn hợp (Xi măng Đa dụng) PCB 30, PCB 40 và Clinker.



Sản phẩm xi măng Portland hỗn hợp mác PCB30 và PCB40 của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN 6260:2009 và ISO 9001:2008. Ưu điểm vượt trội của Xi măng La Hiên Đa Dụng là giúp làm tăng độ dẻo của bê tông, tăng cường tính chống thấm, chống xâm thực

đối với môi trường, tăng độ bền vững theo thời gian, rất phù hợp với khí hậu nhiệt đới của Việt Nam.

Xi Măng Portland hỗn hợp PCB 30 của Công ty được sử dụng cho các công tác xây thô hoàn thiện công trình từ nhà ở dân dụng, các dự án...với yêu cầu về chất lượng bê tông không quá cao, không cần bê tông phát triển cường độ sớm quá nhanh, nhiệt thủy hóa thấp, chi phí thấp.

Xi măng Portland hỗn hợp PCB 40 của Công ty được dùng cho các công trình có yêu cầu kết cấu bê tông chịu lực cao như các công trình dân dụng, cao ốc, các công trình phụ trợ cho các công trình công nghiệp...

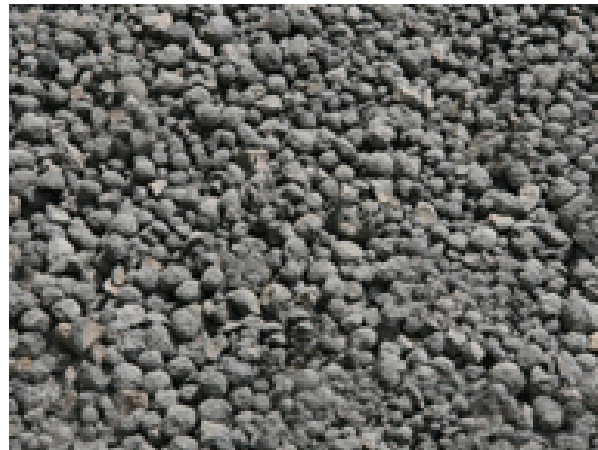
Chỉ tiêu chất lượng của PCB30 và PCB40

Chỉ tiêu	Mức	
	PCB30	PCB40

Cường độ nén, Mpa, không nhỏ hơn ❖ 3 ngày ± 45 phút ❖ 28 ngày ± 8 giờ	14 30	18 40
Thời gian đông kết, phút ❖ Bắt đầu, không nhỏ hơn ❖ Kết thúc, không lớn hơn		45 420
Độ mịn, xác định theo: ❖ Phần còn lại trên sàng kích thước lỗ 0,09mm, %, không lớn hơn ❖ Bề mặt riêng, xác định theo phương pháp Blaine, cm ² /g, không nhỏ hơn		10 2800
Độ ổn định thể tích, xác định theo phương pháp Le Chatelier, mm, không lớn hơn		10
Hàm lượng anhydric sunphuric (SO ₃), %, không lớn hơn		3,5
Độ nở autoclave, %, không lớn hơn		0,8

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Sản phẩm **Clinker xi măng Portland thương phẩm** của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI luôn đảm bảo kết hạt chắc, có màu xanh xám, không vàng, không lẫn bột tã, không lẫn clinker nung chưa chín cũng như các vật liệu khác như gạch, đá, đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7024:2013.



Các tiêu chuẩn chất lượng của Clinker Xi măng La Hiên như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Hàm lượng canxi oxit tự do (CaOtd), % không lớn hơn	1,5
2	Hàm lượng magiê oxit (MgO), % không lớn hơn	5,0
3	Hàm lượng kiềm qui đổi (Na ₂ Oqđ), % không lớn hơn	0,6
4	Hàm lượng anhydric sunfuric (SO ₃), % không lớn hơn	1,5

5	Hàm lượng mất khi nung (MKN), % không lớn hơn	1,5
6	Hàm lượng cặn không tan (CKT), % không lớn hơn	0,75

Bảng 1. Thành phần khoáng, hóa cơ bản của chủng loại Clinker xi măng poóc lăng

Tên chỉ tiêu	Mức Clinker		Ghi chú
	Cpc 40	Cpc 50	
1. Hoạt tính cường độ, MPa, không nhỏ hơn			
- 3 ngày	21	25	
- 7 ngày	-	-	
- 28 ngày	40	50	
2. Thời gian đông kết, phút:			
- Bắt đầu, không sớm hơn:	45	45	
- Kết thúc, không muộn hơn	375	375	
3. Độ ổn định thể tích theo LeChatelier, mm, không lớn hơn	10	10	
4. Độ ẩm, % không lớn hơn	1,5	1,5	
5. Cỡ hạt:			
- Nhỏ hơn 1mm, % không lớn hơn	10	10	Đây là chỉ tiêu tùy chọn, có thể thỏa thuận giữa bên mua và bên bán
- Nhỏ hơn 25mm và lớn hơn 5mm, % không nhỏ hơn	50	50	
6. Chỉ số nghiền, không nhỏ hơn	1,2	1,2	Đây là chỉ tiêu tùy chọn, có thể thỏa thuận giữa bên mua và bên bán

Bảng 2: Tính chất cơ lý của chủng loại Clinker xi măng poóc lăng

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMi

❖ **Sản lượng sản phẩm qua các năm:**

Đơn vị tính: Tấn

Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xi măng PCB	577.709,44	90,2%	464.128,92	74,78%	570.136,81	82,89%

Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Clinker thương phẩm	62.767,69	9,8%	156.454,19	25,21%	117.626,81	17,11%
Tổng cộng	640.477,13	100%	620.583,11	100%	687.763,62	100%

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMi

❖ **Cơ cấu sản phẩm trong doanh thu thuần**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014		2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Xi măng	464,864	80,80%	567,336	87,72%
- Bao PCB 30	335,086	58,24%	388,470	60,06%
- Bao PCB 40	113,807	19,78%	147,683	22,83%
- Bột PCB	15,971	2,78%	31,183	4,82%
2. Clinker	100,608	17,49%	74,291	11,49%
3. Khác	9,835	1,71%	5,163	0,79%
Tổng cộng	575,307	100%	646,790	100%

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMi

Nhờ sự ấm lên từ thị trường bất động sản, nhu cầu xây dựng của người dân tăng và việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng các công trình từ nguồn vốn ngân sách như các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông; chương trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là đường bê tông xi măng được triển khai tích cực nên sản lượng xi măng tiêu thụ của cả nước trong năm 2015 tăng gần 10% so với năm 2014, đạt hơn 55 triệu tấn. Nắm bắt được xu thế của thị trường, ngay từ đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty cổ phần xi măng La hiên VVMi đã tập trung chỉ đạo triển khai công tác tiếp thị linh hoạt, thường xuyên nắm bắt nhu cầu của khách hàng để vừa tăng được sản lượng xi măng bán vào các thị trường giá cao, vừa theo dõi được khả năng thanh toán của khách hàng để thu hồi công nợ kịp thời. Kết quả là, sản lượng tiêu thụ xi

măng của Công ty trong năm khá tích cực, tổng doanh thu thuần năm 2015 tăng 12,42% so với năm 2014.

Về cơ cấu doanh thu thuần của Công ty:

- Doanh thu sản phẩm xi măng: chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty, chiếm 80,8% doanh thu thuần năm 2014 và 87,22% doanh thu thuần năm 2015. Doanh thu thuần xi măng của Công ty năm 2015 tăng 22% so với năm 2014, đạt 119,6% so với kế hoạch từ đầu năm.

- Doanh thu sản phẩm clinker: Chiếm tỷ trọng thứ 2 trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty, chiếm 17,49% doanh thu thuần năm 2014 và 11,49% doanh thu thuần năm 2015. Năm 2014, Công ty đã mạnh dạn xuất khẩu clinker nhằm giải quyết lượng clinker dư thừa trong nước. Tuy nhiên, sang năm 2015, trong bối cảnh chung khi các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ quốc gia có nguồn cung xi măng lớn nhất Thế giới là Trung Quốc, sản lượng xuất khẩu clinker năm 2015 của Công ty chỉ đạt 73,84% so với năm 2014, chỉ hoàn thành 80% kế hoạch năm 2015.

- Doanh thu sản phẩm khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty.

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014		2015	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1. Xi măng	92.543	16,08%	101.534	15,70%
- Bao PCB 30	71.629	12,45%	80.601	12,46%
- Bao PCB 40	18.315	3,18%	17.213	2,66%
- Bột PCB	2.599	0,45%	3.720	0,58%
2. Clinker	-8.955	-1,56%	-10.305	-1,59%
3. Khác	-2.095.	-0,36%	163	0,03%
Tổng cộng	81.493	14,17%	91.392	14,13%

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Tỷ suất sinh lợi gộp của các sản phẩm trong năm 2015 cơ bản không thay đổi so với năm 2014. Lợi nhuận gộp sản phẩm xi măng chiếm tỷ trọng chủ yếu với biên lợi nhuận gộp là 15,7%. Lợi nhuận gộp sản phẩm khác chiếm chỉ trọng không đáng kể với biên lợi nhuận gộp là 0,03%. Riêng biên lợi nhuận gộp của sản phẩm clinker liên tục âm trong 02 năm qua. Nguyên nhân là do sản phẩm clinker của Công ty bị ảnh hưởng bởi giá xuất khẩu trên thị trường. Trong 02 năm qua, với sức ép cạnh tranh từ Trung Quốc, đặc biệt giá xuất khẩu clinker của các doanh nghiệp xi măng trong nước luôn cao hơn vài USD/tấn khiến cho giá bán sản phẩm luôn bị khách hàng ép hạ giá, và đối với trường hợp của Công ty thì doanh thu bán clinker đã không thể bù đắp chi phí sản xuất kinh doanh.

5.2. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp sản xuất xi măng thương phẩm, nguyên liệu đầu vào của Công ty bao gồm đá vôi, đất sét và các phụ gia điều chỉnh khác như quặng sắt, phiến silic... Nằm sát đường quốc lộ 1B, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 18 km về phía Bắc, vị trí hiện nay của Công ty có rất nhiều thuận lợi như: gần khu cung cấp nguyên vật liệu như đá vôi, đất sét..., đặc biệt giao thông thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất cũng như vận chuyển hàng hoá đi tiêu thụ. Hiện tại công ty sử dụng nguyên liệu chính từ 03 mỏ như sau:

- Mỏ đá vôi La Hiên
- Mỏ đá vôi Đồng Chuổng
- Mỏ sét Cúc Đường

Mỏ đá vôi La Hiên

Giấy phép khai thác	Số 2108/GP-BTNMT ngày 19/9/2005.
Thời gian cấp phép khai thác	30 năm
Diện tích khai thác	11,88 ha
Trữ lượng khai thác	7.500.000 tấn



Mỏ đá vôi La Hiên

Mỏ đá vôi La Hiên thuộc xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, cách khu vực nhà máy xi măng La Hiên 02 km. Đá vôi được khai thác tại mỏ bằng phương pháp khoan nổ mìn cắt tầng, được bốc xúc lên ô tô vận chuyển về trạm đập. Hàng năm, Công ty chỉ khai thác sử dụng từ 180.000 đến 200.000 tấn đá vôi tại đây.

Mỏ đá vôi Đồng Chuông

Giấy phép khai thác	Số 1051/GP-BTNMT ngày 10/6/2009
Thời gian cấp phép khai thác	30 năm
Diện tích khai thác	21,1 ha
Trữ lượng khai thác	27.155.000 tấn

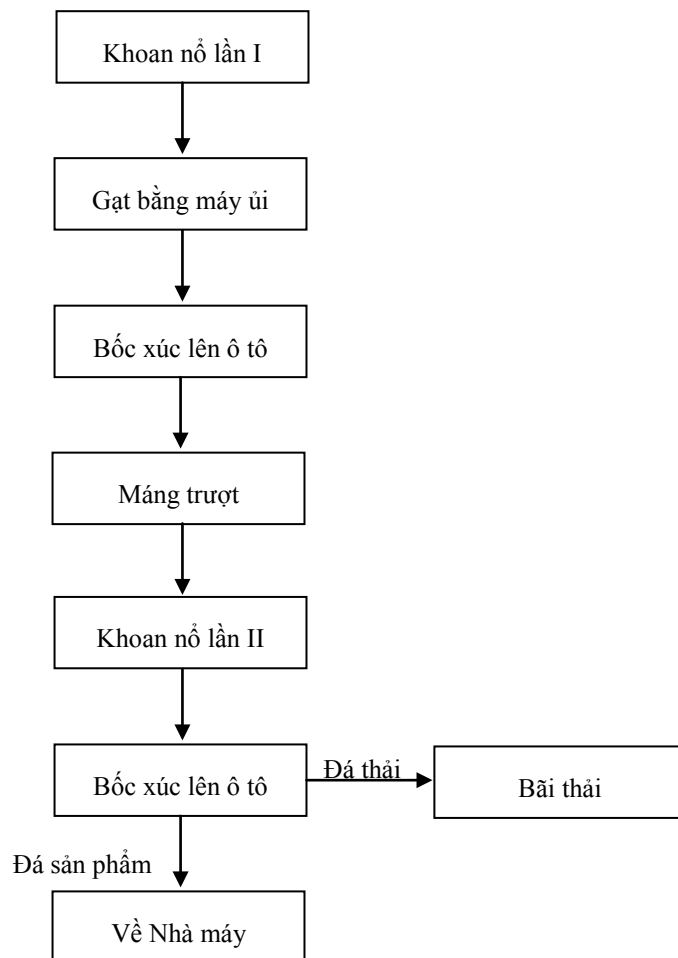
Mỏ đá vôi Đồng Chuông thuộc xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nằm cách Quốc lộ 1B từ Thái Nguyên đi Lạng Sơn là 2,5km về phía Bắc, cách khu vực Nhà máy xi măng La Hiên là 8,5 km, trong đó ra đến Quốc lộ 1B là 5 km.

- Phía Bắc giáp đường dân sinh và đất ở, đất trồng trọt của dân;
- Phía Nam giáp đường đất, phía bên kia đường là đất ở và đất trồng trọt của nhân dân địa phương;
- Phía Đông và phía Tây là phần còn lại của dãy núi đá vôi.

Khu vực này rất phù hợp cho việc đầu tư xây dựng các công trình khai thác mỏ do nằm cách xa khu vực dân cư, xung quanh không có công trình văn hoá kiến trúc cũng như di tích lịch sử. Trong khu vực hầu như không có nguồn nước mặt nào ngoài các khe lạch nhỏ chỉ có nước vào mùa mưa. Trong vùng chỉ có 2 suối chính: Suối Đồng Thu - Quang Sơn nằm ở phía Tây - Bắc và suối La Hiên nằm ở phía Đông - Nam. Hai con suối này nằm cách xa khu vực dự án khoảng 2-3 km.

Mỏ đá vôi Đồng Chuồng nằm trong dự án khai thác mỏ đá của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP với mục đích đảm bảo đủ điều kiện cần thiết cho hoạt động sản xuất xi măng của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi. Hàng năm, Công ty được khai thác ít nhất từ 350.000 đến 900.000 tấn đá từ mỏ đá này.

Hiện nay, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi vẫn đang tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường giao thông...) tại Mỏ này để phục vụ công tác vận chuyển đá về nhà máy.



Sơ đồ công nghệ khai thác và vận chuyển của mỏ đá vôi

Mỏ sét Cúc Đường

Giấy phép khai thác	Số 01/GP-BTNMT ngày 02/01/2008
Thời gian cấp phép khai thác	30 năm
Diện tích khai thác	22,57 ha
Trữ lượng khai thác	3.828.000 tấn

Mỏ sét Cúc Đường thuộc địa phận xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, nằm bên trái Quốc lộ 1B từ Thái Nguyên đi Lạng Sơn, cách Quốc lộ 1B 5km, cách chợ La hiên 4km, cách thành phố Thái Nguyên 27km về phía Bắc, và cách khu vực của nhà máy xi măng La hiên gần 10km.

Xung quanh khu vực mỏ đá sét gồm các dải đồi thấp, nhấp nhô, dạng yên ngựa có hướng chạy gần Bắc Nam, trong khu mỏ có suối Cúc Đường và suối Đồng Rong đều bắt nguồn từ các thung lũng ở trung tâm mỏ khu vực khai thác nên có dạng địa hình xâm thực, bào mòn. Mỏ sét chủ yếu chứa sét Trầm đệ tứ và trầm tích Triat. Nhìn chung đá phiến sét tại đây có thành phần thạch họa đồng nhất, thành phần hóa học ổn định phù hợp sản xuất xi măng chất lượng, đảm bảo quy trình sản xuất và có độ bền chống ăn mòn thiết bị.

Mỏ đá sét được Công ty sử dụng và khai thác từ năm 1994 với sản lượng 21.130 tấn/năm. Sản lượng khai thác đá sét được tăng lên 120.000 tấn/năm do Công ty đầu tư mở rộng mỏ.

Ngoài nguyên vật liệu chính là đá vôi, đất sét mà Công ty tự khai thác thì các nguyên nhiên liệu đầu vào khác để sản xuất xi măng, clinker như quặng sắt, phiến silic, than cám, thạch cao, vôi bao,... cũng được cung cấp bởi nhiều doanh nghiệp uy tín trong tỉnh và trong Tập đoàn Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính

STT	Nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1.	CTCP Đá ốp lát & Vật liệu xây dựng	Chùa Hang , Đồng hỷ, Thái Nguyên	Đá vôi
2.	Công ty TNHH Chiến Thắng	Chùa Hang , Đồng hỷ, Thái Nguyên	Đá vôi

3.	CTCP Vật liệu xây dựng Bắc Thái	Quang Sơn , Đồng hỷ , Thái Nguyên	Đá vôi
4.	Công ty TNHH Hải Bình	Chùa Hang , Đồng hỷ , Thái Nguyên	Quặng sắt
5.	Công ty TNHH Bình Dương	La Hiên, Võ nhai , Thái Nguyên	Silic, Đá phụ gia
6.	CTCP vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp VVMI	Thôn Tà Lài, Xã Tân Mỹ, Xã Tân Mỹ, Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	Thạch cao
7.	CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Tổ 26, thị trấn Đông Anh, Hà Nội	Vỏ bao xi măng
8.	Công ty nhiệt điện Cao Ngạn TKV	Quán Triều, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Tro bay
9.	Công Ty Than Núi Hồng VVMI	Xóm Cây Thị, Xã Yên Lãng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	Than Cám 3B, 3C, 4A
10.	Công ty TNHH MTV Than Khánh Hòa VVMI	Xóm Cao Sơn 1, Xã Sơn Cẩm, Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	Than Cám 3B, 4B, 4A, 5A

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

❖ Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Với nguồn nguyên liệu sẵn có của Công ty như mỏ đá vôi, mỏ sét có trữ lượng lớn được cấp phép quản lý và khai thác lâu dài, Công ty sẽ có đủ nguyên liệu để sản xuất ổn định. Các nguyên vật liệu khác phục vụ cho sản xuất xi măng của Công ty luôn được các đơn vị có uy tín trong nước cung cấp ổn định từ khi thành lập đến nay. Do vậy, nhìn chung nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất của Công ty có mức độ ổn định rất cao.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu lên doanh thu và lợi nhuận của Công ty

Trong cơ cấu giá thành sản phẩm, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng chủ yếu và là nhân tố quyết định tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Những biến động về giá nguyên vật liệu sẽ có tác động đáng kể tới giá thành sản phẩm cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công nghiệp sản xuất xi măng là một ngành tiêu hao khá nhiều nhiên liệu phục vụ cho quá trình nung luyện clinker. Từ khi ra đời đến nay, nguồn nhiên liệu truyền thống vẫn luôn là dầu và than, trong đó than được sử dụng là chủ yếu. Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, để đạt được công suất là 850.000 tấn/năm, Công ty cần tiêu thụ 300 tấn than loại tốt mỗi ngày. Với giá thành trung bình khoảng 1,4 triệu đồng/tấn như hiện nay thì than là nguyên liệu đầu vào chiếm 38% chi phí sản xuất clinker và 26% chi phí sản xuất xi măng. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát chặt chẽ yếu tố chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất, Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực. Đặc biệt, đầu năm 2014, Công ty đã ứng dụng vôi đốt 5 kênh FA-5-ZFA5 do Công ty TNHH Thương Mại Phương Đông kết hợp với Công ty TNHH Thương mại Cao Sâm Trịnh Châu chuyên giao công nghệ lắp đặt, chạy thử vận hành. Đây là loại vôi đốt dùng cho lò quay nung clinker, xi măng sử dụng than chất lượng thấp, nhiệt trị ≥ 5.400 Kcal/kg. Nhờ sử dụng vôi đốt FA-5-ZFA5 mà chất lượng clinker được ổn định và nâng cao. Lượng than nhiệt trị thấp tiêu tốn chỉ tương đương với lượng than có nhiệt trị cao mà trước đây Công ty sử dụng nhưng lại giúp tiết kiệm cho công ty hàng chục tỷ đồng chi phí than mỗi năm. Ngoài ra, Công ty cũng đã tiến hành ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu dài hạn với các nhà cung cấp lớn trong nước nhằm ổn định lâu dài nguồn cung cũng như ổn định mức giá nguyên vật liệu, kịp thời đưa vào sản xuất.

5.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần
1.	Giá vốn hàng bán	493.813	85,83	555.398	85,87
2.	Chi phí tài chính	30.954	5,38	23.540	3,64

3.	Chi phí bán hàng	7.436	1,29	10.272	1,59
4.	Chi phí QLDN	17.971	3,12	25.140	3,89
	Tổng cộng	550.174	95,63	614.350	94,98

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015- CTCP Xi măng La Hiên VVMI
 Năm 2015, cùng với sự gia tăng của doanh thu thuần, giá vốn hàng bán cũng tăng 12,5% so với năm 2014. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xi măng nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí, giữ ổn định ở mức tỷ trọng 85% so với doanh thu thuần.

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi phí lãi vay. Sang năm 2015, vay ngắn hạn và vay dài hạn của Công ty giảm hơn 96 tỷ đồng nên mức chi phí tài chính giảm hơn 7 tỷ đồng so với năm 2014, đồng thời tỷ trọng trong Doanh thu thuần giảm xuống mức 3,64%.

Chi phí bán hàng năm 2015 tăng nhẹ so với năm 2014 do hoạt động bán hàng, phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm được đẩy mạnh, chủ yếu tăng do chi phí cho nhân viên bán hàng.

Chi phí Quản lý doanh nghiệp năm 2015 tăng 39,9% so với năm 2014 chủ yếu do tăng chi phí tiền lương tuy nhiên tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trong cơ cấu doanh thu thuần năm 2015 không biến động nhiều so với năm 2014 và đang duy trì ở mức hợp lý, tiết kiệm.

5.4. Công nghệ sản xuất

Thời gian qua, Công ty đã đầu tư kịp thời vào công tác phát triển kỹ thuật công nghệ nhằm rút ngắn công nghệ, hạ giá thành, đảm bảo cho ra những sản phẩm chất lượng, đáp ứng nhu cầu cao nhất của khách hàng.

Công ty hiện có 02 dây chuyền sản xuất xi măng lò quay có công suất hàng năm lần lượt là 250.000 tấn và 700.000 tấn, bắt đầu hoạt động từ năm 2005 và 2010. Toàn bộ quá trình sản xuất của Công ty được tổ chức, điều hành, kiểm tra, giám sát và quản lý bởi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6260:2009 thay thế tiêu chuẩn TCVN 6260:1997 do Vụ Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng biên soạn.

Dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI với công nghệ lò quay phương pháp khô có hệ thống cyclon 5 tầng trao đổi nhiệt và có buồng phân hủy Calciner đốt hoàn toàn 100% bằng than cám chất bậc thấp, với các thiết bị công nghệ, hệ thống điều khiển tự động và kiểm tra đo lường ở mức tiên tiến, cho phép mở rộng phạm vi sử dụng nguyên nhiên liệu ở rải rộng, tiết kiệm năng lượng tạo ra sản phẩm có chất lượng cao và ổn định, mặt khác đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường. Các thiết bị trong dây chuyền được điều khiển tự động từ bộ phận điều khiển trung tâm chính trực tiếp vận hành và giám sát các thiết bị từ kho đồng nhất sơ bộ, kho tổng hợp đến các Cyclon xi măng. Ngoài ra còn có các trung tâm nhỏ tại công đoạn đá vôi, đá sét, tiếp nhận nguyên liệu đầu vào và đóng bao. Bộ phận thí nghiệm – KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) được trang bị hiện đại và đồng bộ. Hệ thống điều khiển chất lượng tự động QCX: gồm hệ thống máy tính và phổ kế Rongen loại mới nhất với chương trình phần mềm chuyên ngành tối ưu, quản lý chất lượng bột liệu cho phép phân tích chính xác và đưa ra các tỷ lệ cấp liệu hợp lý, đảm bảo sai số nhỏ nhất, khống chế các hệ số chế tạo bột liệu; phân tích chính xác thành phần các nguyên nhiên liệu đầu vào, Clinker, xi măng sản xuất và xuất xưởng. Các thiết bị đo lường có độ chính xác cao thường xuyên có sự kiểm định của cơ quan chức năng



Dây chuyền sản xuất xi măng công nghệ lò quay phương pháp khô



Hệ thống cyclon 5 tầng trao đổi nhiệt và buồng phân hủy



Vòi đốt 5 kênh FA-5-ZFA5

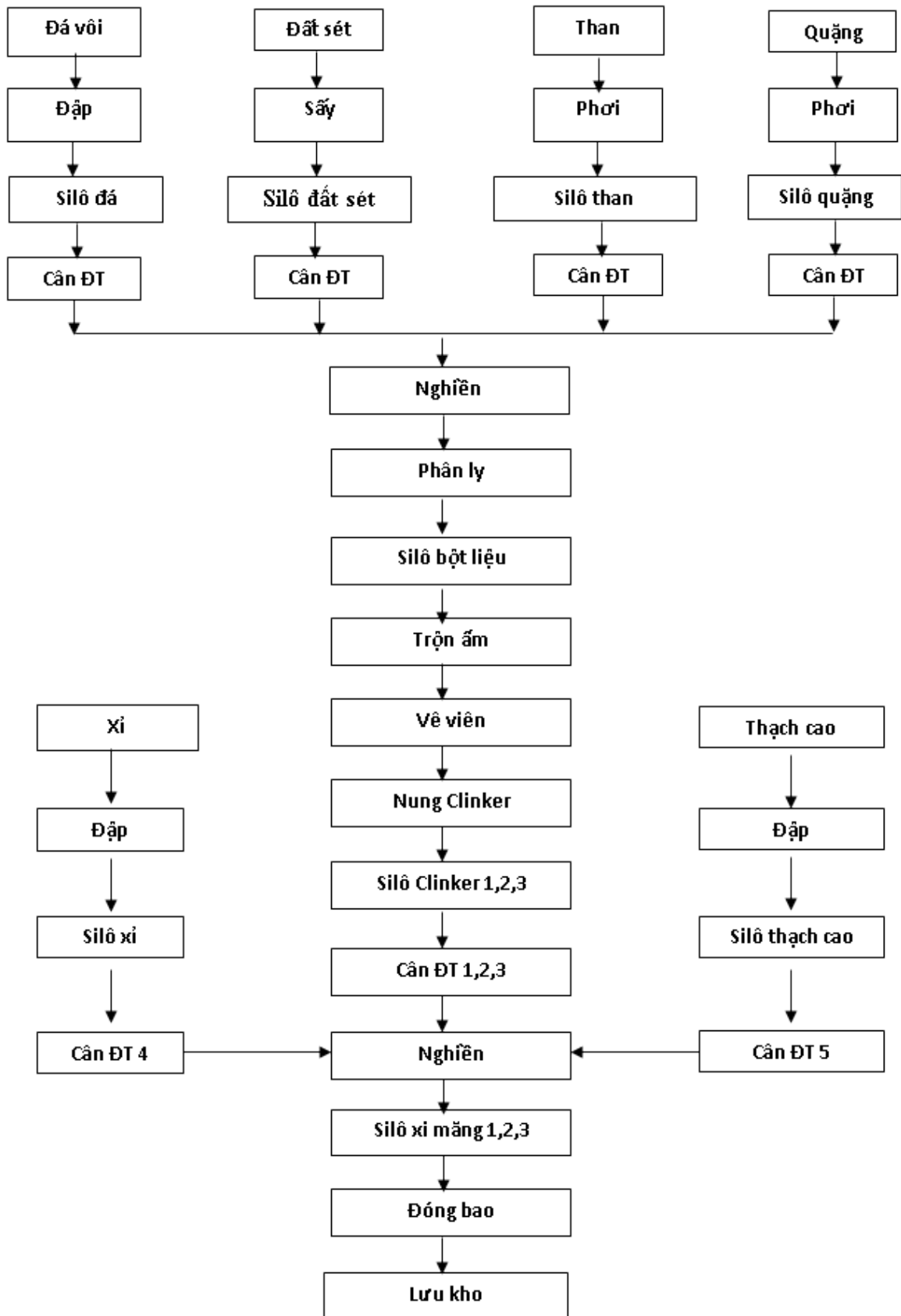


Thiết bị được điều khiển tự động từ trung tâm điều khiển

Một số hình ảnh về Dây chuyền sản xuất xi măng công nghệ lò quay của CTCP Xi măng La Hiên VMI

BẢN CÁO BẠCH

Quy trình sản xuất xi măng tại Công ty



Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VMI

Diễn giải quy trình sản xuất:

1. Chuẩn bị nguyên liệu, phụ gia.
 - 1.1. Đá vôi: Được khai thác tại mỏ đá vôi khu vực xung quanh công ty kích thước không quá 600mm được gia công tới kích thước $\Phi 40\text{mm}$ rồi vận chuyển vào kho chứa. Đá vôi phải thoả mãn TC 01 của TCCS.
 - 1.2. Phiến sét (Đất sét): Phiến sét được khai thác tại các mỏ khu vực xung quanh công ty kích thước không quá 100mm. Sét phải thoả mãn TC 02 của TCCS.
 - 1.3. Phiến silic (Đất cao silíc): Dùng để làm nguyên liệu điều chỉnh mô đun silicat MS, được mua từ các nguồn phiến Silíc Thái Nguyên được tập kết vào bãi chứa của Công ty. Phiến silic có kích thước không quá 100mm được tập kết và dự trữ riêng từng loại trong các kho chứa. Phiến silic phải thoả mãn TC 03 của TCCS.
 - 1.4. Quặng sắt: Sử dụng làm nguyên liệu điều chỉnh, phối liệu sản xuất Clinker. Quặng sắt được chở về bằng ô tô đưa vào kho chứa riêng. Quặng sắt phải thoả mãn TC 04 của TCCS.
 - 1.5. Thạch cao: Dùng làm phụ gia điều chỉnh tốc độ đông rắn của xi măng. Thạch cao có kích thước không quá 300mm được gia công đến kích thước $\Phi 25\text{mm}$ và đưa vào kho chứa. Thạch cao phải thoả mãn TC 06 của TCCS.
 - 1.6. Phụ gia cho xi măng:
 - Phụ gia hoạt tính: Đá cao silic, xỉ lò cao...
 - Phụ gia trợ : Đá đen.
 - Đá cao Silic phải thoả mãn TC 09 của TCCS và TCVN 6882:2001
 - Xỉ lò cao phải thoả mãn TC 07 của TCCS và TCVN 6882:2001, TCVN 4315-86.
 - Đá đen phải thoả mãn TC 10 của TCCS.
2. Quá trình gia công và chế biến nguyên liệu.
 - Từ kho chứa, các loại nguyên liệu được đưa vào các bun ke, qua các băng cân định lượng vào máy nghiền nguyên liệu. Hỗn hợp nguyên liệu được chế biến theo phương pháp nghiền sấy khô liên hợp. Bột liệu sau nghiền phải thoả mãn TC 11 của TCCS.
 - Bột liệu ra khỏi máy nghiền liệu phải thoả mãn TC 11 được đưa vào si lô đồng nhất bằng phương pháp sục khí. Bột liệu cấp cho lò đảm bảo theo TC 12 của TCCS. Mức bột liệu tối thiểu trong si lô khi cấp cho lò không nhỏ hơn 40 %.

3. Chuẩn bị nhiên liệu: Sử dụng than cám 3B,3C, 4B, 4A, 5A theo TCVN 1790:1999. Than đưa về được kiểm tra chất lượng và đưa vào kho chứa riêng, than mịn sau nghiền đảm bảo TC 13 TCCS.
4. Nung luyện Clinker
Bột liệu được đồng nhất trong si lô được vận chuyển lên két cân và định lượng cấp cho lò quay. Than mịn được phun vào lò theo chiều ngược với nguyên liệu. Trong quá trình nung quá trình lý hóa xảy ra tạo thành Clinker. Nhiệt độ tại vùng nung đảm bảo 1450-1500°C. Clinker ra lò được làm nguội bằng máy làm lạnh đến nhiệt độ môi trường + 80°C và qua đập búa tới cỡ hạt $\leq 40\text{mm}$, sau đó được băng tải gàu đưa lên si lô chứa Clinker. Clinker phải thỏa mãn TC 14-1 của TCCS.
5. Nghiền xi măng:
 - Clinker, Thạch cao, và phụ gia được định lượng đưa vào máy nghiền 1, 2 theo tỷ lệ nhất định. Xi măng bột phải thỏa mãn TC 15-1 của TCCS.
 - Xi măng ra khỏi máy nghiền được vận chuyển đến các si lô xi măng để cung cấp cho các máy đóng bao và các phương tiện nhận xi măng rời. Xi măng được bảo quản riêng từng loại trong các si lô chứa.
6. Công đoạn đóng bao.
 - Xi măng từ các si lô chứa được vận chuyển lên két chứa qua hệ thống thiết bị vận chuyển, xi măng bao thỏa mãn TCVN 6260:2009
 - Một phần xi măng được xuất rời, xi măng xuất rời thỏa mãn TCVN 6260:2009 với xi măng PCB hoặc TCVN 2682:1999 với xi măng PC.
 - Vỏ bao đựng xi măng phải thỏa mãn TC 08 của TCCS. Xi măng bao được chuyển qua các hệ thống băng tải cao su cấp thẳng cho phương tiện, hoặc xếp vào kho.
 - Kho chứa xi măng bao có sức chứa khoảng 2000 tấn, bao xi măng xếp trong kho theo nguyên tắc, lô hạ bãi trước thì xuất trước hạ sau xuất sau.

5.5. Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm và thị trường của Công ty là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của chính Công ty. Do đó, việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững, củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu của Công ty. Để đáp ứng được các yêu cầu trên, Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao;
- Không ngừng nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm mới có chất lượng cao và có nhiều tính năng mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu “Xi măng La Hiên” trở thành thương hiệu mạnh;
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai;

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hiện nay, Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp Giấy chứng nhận đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001/2008.

Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là công cụ cung cấp những chuẩn mực cho các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; giúp cho cán bộ, công nhân viên thực hiện việc quản lý, kiểm soát chất lượng và công việc một cách nhất quán. Mỗi cán bộ công nhân viên khi được giao thực hiện nhiệm vụ ở bất cứ vị trí công tác nào đều được phổ biến để nhận thức được rằng công việc mà họ thực hiện ảnh hưởng đến chính sách và mục tiêu chất lượng. Công ty áp dụng các hình thức kiểm tra thực hành để đánh giá chất lượng, công tác đào tạo, quy trình vận hành; duy trì thường xuyên việc cải tiến theo các yêu cầu của hệ thống ISO 9001:2008 nhằm ngày càng nâng cao công tác quản lý chất lượng và tổ chức sản xuất có hiệu quả. Hàng năm Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm hoạch định, cung cấp đủ nguồn lực cho các hoạt động quản lý, xây dựng chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng, theo định kỳ tổ chức Quacert đánh giá về việc quản lý và vận hành hệ thống. Việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cùng với dây chuyền công nghệ tiên tiến, đội ngũ lãnh đạo, kỹ sư, công nhân vận hành có kinh nghiệm đã đưa ra thị trường những sản phẩm có chất lượng tốt.

5.7. Hoạt động Marketing

Thị trường tiêu thụ sản phẩm Xi măng La Hiên chủ yếu ở khu vực phía Bắc, bao gồm các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc... và các đơn vị trong tập đoàn Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty bán hàng cho trên 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng. Do đó, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động này đã và đang được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng, xây dựng và củng cố. Công ty luôn tập trung nguồn lực đảm bảo chất lượng sản phẩm; bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng, thu hút khách hàng mới, mở rộng thị phần của khách hàng tiềm năng bằng uy tín, chất lượng dịch vụ và thỏa mãn tối đa các nhu cầu. Cụ thể, Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời. Hàng năm, Công ty tổ chức hội nghị khách hàng để tri ân và lấy ý kiến đóng góp của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng tờ rơi, phiếu giao hàng, quà tặng, áo bảo hộ lao động có in logo của Xi măng La Hiên, lắp một số biển tấm lớn trên các tuyến đường giao thông có nhiều xe qua lại, các cửa hàng tiêu thụ và giới thiệu sản phẩm xi măng La Hiên, trên các phương tiện truyền thông, báo trí,

5.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI



Logo trên được sử dụng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

5.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc được ký kết

- Danh sách các hợp đồng lớn đã thực hiện trong năm 2015:

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp	Doanh số (triệu đồng)
1	Công ty TNHH thương mại và Vận tải Luận Khánh.	Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Xi măng	32.440
2	Doanh nghiệp TN Khải Lan	P Thắng lợi, TP Sông Công, Thái Nguyên	Xi măng	75.013
3	Công ty TNHH Nghị Hương	Xã Nam Tiến, TX Phổ Yên, Thái Nguyên	Xi măng	66.534
4	Công ty CP xi măng Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, TP Thái Nguyên	Xi măng	58.942
5	Công ty TNHH thương mại Sóc Sơn	Sóc Sơn, Hà Nội	Xi măng	18.647
6	Công ty TNHH thương mại và vận tải Phú Hà	Sóc Sơn, Hà Nội	Xi măng	12.263
7	Công ty TNHH thương mại Hoa Dũng	Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	Xi măng	14.459
8	CN Công ty CP cơ điện luyện kim Thái Nguyên - Xi nghiệp cơ điện	P Cam Giá TP Thái Nguyên	Xi măng	12.992
9	Nguyễn Thị Dung	Phú Bình, Thái Nguyên	Xi măng	12.619
10	Đào Thị Tươi	Định Hóa Thái Nguyên	Xi măng	9.607
11	Công ty TNHH Tô Tây	Tổ 28 P Trần Hưng Đạo - TP Thái Bình	Clinker	13.095
12	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tin học Thiên Sơn	Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Clinker	30.384

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Phần lớn các hợp đồng công ty ký kết với khách hàng năm 2015 là hợp đồng nguyên tắc, sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2016. Theo đó, khi khách hàng có nhu

cầu sẽ gửi Đơn đặt hàng bằng văn bản ghi chi tiết hàng hóa, số lượng, giá cả, giao hàng và phương thức thanh toán. Giá bán là giá tại thời điểm xuất hàng.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm năm 2015 so với năm 2014
Tổng giá trị tài sản	615.517	540.613	-12,17
Vốn chủ sở hữu	108.837	118.159	8,56
Doanh thu thuần	575.306	646.790	12,42
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.163	32.461	29,00
Lợi nhuận khác	1.723	61	-96,46
Lợi nhuận trước thuế	26.886	32.522	20,96
Lợi nhuận sau thuế	22.606	25.318	12,00
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	44,24%	47,40%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	21,74%	22,31%	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015- CTCP Xi măng La Hiên VVM

Tổng tài sản của công ty tại thời điểm 31/12/2015 giảm 12,17% so với thời điểm cuối năm 2014 do Công ty đã tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi các khoản phải thu từ khách hàng và tiến hành thanh lý phương tiện vận tải không đạt yêu cầu hiệu quả sản xuất.

Doanh thu thuần của công ty năm 2015 tăng 12,42% so với năm 2014 chủ yếu do dự gia tăng của doanh thu thuần sản phẩm xi măng. Cùng với việc chi phí lãi vay giảm gần 8 tỷ so với năm 2014 đã làm cho lợi nhuận lợi nhuận trước thuế tăng 20,96% so với năm 2014 và đạt 186% so với kế hoạch năm đã đề ra. Công ty vẫn duy trì được tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân ở mức tương đối cao và ổn định, đạt 21,74% trong năm 2014 và 22,31% trong năm 2015. Đồng thời, tỷ lệ trả

cổ tức đã tăng từ 10% trong năm 2014 và 12% trong năm 2015. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang duy trì được sự ổn định về doanh thu và lợi nhuận. Những thành công này sẽ là nền tảng, động lực cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của Công ty trong tương lai, góp phần giữ vững và nâng cao hơn nữa giá trị của các cổ đông.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Thuận lợi

- Trải qua hơn 20 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI đã và đang khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp cùng ngành, nhận được sự tin tưởng của khách hàng, đối tác cũng như các nhà đầu tư với thương hiệu “Xi măng La Hiên”;
- Công ty được cấp phép khai thác mỏ đá vôi và mỏ sét trữ lượng lớn, chất lượng tốt, thời gian khai thác lâu dài; các nguồn nguyên nhiên liệu khác phần lớn được cung ứng bởi các doanh nghiệp uy tín là thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP bằng các hợp đồng ký kết dài hạn;
- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam cũng như Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP;
- Công ty có sự phối hợp chặt chẽ với các nhà máy xi măng trong và ngoài TKV nên đã hạn chế được tình trạng các sản phẩm xi măng của các Công ty trong TKV cạnh tranh nhau giá bán trên cùng một thị trường. Một số thị trường như Thái Nguyên, Bắc Cạn, Bắc Sơn, Bình Gia, Lạng Sơn là thị trường chủ đạo có ít loại xi măng cạnh tranh vì vậy Công ty đã duy trì được sản lượng tăng giá bán tại các thị trường này;
- Công ty có nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, luôn đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty. Đồng thời Ban Giám đốc cũng luôn quan tâm đến đời sống và chế độ lương thưởng đối với cán bộ nhân viên;
- Sự quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn thống nhất và sát sao với tình hình hiện có của doanh nghiệp, từng bước đưa Công ty vượt qua được những khó khăn trước mắt, nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện thành công chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

❖ Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi có được, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không thể tránh khỏi những khó khăn của nền kinh tế nói chung và các thách thức đặc thù của ngành nói riêng.

- Thị trường bất động sản tuy đã hồi phục nhưng vẫn còn chậm, thêm vào đó tình trạng cung vượt cầu đã dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng nói chung và doanh nghiệp xi măng nói riêng;
- Thị trường xi măng tiếp tục diễn biến trong tình trạng dư thừa kéo dài. Trong năm 2014, tổng công suất thiết kế toàn ngành là 77,35 triệu tấn. Trong khi đó, tiêu thụ trong nước chỉ hơn 50 triệu tấn, công suất dư thừa hơn 25 triệu tấn. Kết thúc năm 2015, ngành xi măng có 77 dây chuyền, quy mô công suất đạt hơn 81 triệu tấn sản phẩm. Tuy nhiên, tăng trưởng tiêu thụ lại rất chậm, với sản lượng (tính cả tiêu thụ nội địa lẫn xuất khẩu) đạt xấp xỉ 73 triệu tấn, tức chỉ tăng 1,5% so với dự kiến của Bộ Xây dựng. Theo quy hoạch, đến năm 2020, 25 nhà máy nữa sẽ vận hành, tạo ra thêm khoảng 41 triệu tấn xi măng. Theo một báo cáo từ Công ty cổ phần StoxPlus - đơn vị chuyên cung cấp dữ liệu tài chính doanh nghiệp của Việt Nam cho hay “Dù không tính số sản lượng mới này, thị trường vẫn dư thừa xi măng đến năm 2026 và chỉ đạt mức cân bằng khoảng 100 triệu tấn nếu nhu cầu tiêu thụ mỗi năm tăng 5,5%”. Trong bối cảnh dư thừa này, ngoài khó khăn trong việc tìm đầu ra, các doanh nghiệp xi măng sẽ phải cạnh tranh nhau giá bán. Trên thực tế, đã có những đơn vị sản xuất xi măng chấp nhận hạ giá bán, thậm chí bán hòa vốn hoặc dưới giá thành để duy trì hoạt động, giảm tồn kho;
- Việt Nam sẽ ngày càng gặp khó khăn tại thị trường xi măng khi phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ quốc gia có nguồn cung xi măng lớn nhất Thế giới là Trung Quốc. Thống kê cho thấy, hiện nay, sản lượng nguồn cung xi măng của Trung Quốc chiếm 60% tổng sản lượng xi măng toàn Thế giới. Các sản phẩm như xi măng và clinker của Trung Quốc được bán với giá thấp hơn các nước khác trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, một số thị trường xuất khẩu xi măng truyền thống của Việt Nam hiện nay đã tự sản xuất xi măng, không có nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này, khiến cho thị trường xuất khẩu của Việt Nam bị thu hẹp, nên các doanh nghiệp bị đại lý

trung gian ép giá. Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu đã hạ giá, nhưng vẫn không giữ nổi khách hàng do mức chênh lệch giá quá lớn;

- Thiết bị sản xuất xi măng của Công ty sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều, năng suất thấp, chi phí vận hành, sửa chữa lớn nên khả năng cạnh tranh về giá chưa cao.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Được thành lập từ cuối năm 1994, trải qua nhiều giai đoạn phát triển với rất nhiều thách thức và nỗ lực, Công ty gặt hái được nhiều thành công và có nhiều thế mạnh so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh, đó là:

- Chiến lược phát triển rõ ràng, bài bản, phù hợp với định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng Việt Nam.
- Hệ thống quản trị hiện đại, các quy trình, quy chuẩn sản xuất đều được quy trình hóa, hệ thống quản trị tài chính kế toán tập trung giúp kiểm soát tốt, tránh thất thoát ở các khâu.

Thế mạnh của Công ty được thể hiện rõ nét qua các mảng sau:

Về uy tín

Công ty đã trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, có thể nói thương hiệu xi măng La Hiên đã có tiếng trên thị trường Vật liệu xây dựng Miền Bắc, có được sự tín nhiệm của các đối tác, khách hàng trong nhiều năm.

Tài chính

Công ty được sự ủng hộ lớn từ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và một số tổ chức tài chính ngân hàng như Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng TMCP Công thương, Ngân hàng phát triển Việt Nam,... cung cấp tín dụng tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về Nguồn mỏ

Đây có thể coi là thế mạnh nổi bật của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên, với 2 mỏ Đá vôi và 1 mỏ sét đã được cấp phép, công ty có thể tiến hành khai thác đá vôi và đất sét có chất lượng tốt trong thời gian dài.

Về Công nghệ sản xuất

Công ty hiện sở hữu 2 dây chuyền sản xuất xi măng công nghệ lò quay phương pháp khô với dây chuyền sản xuất chính cũng như các công đoạn phụ trợ đều được cơ khí hoá và tự động hoá cao. Năm 2013, Công ty có những bước đột phá trong công tác cải tiến kỹ thuật như cải tiến máy nghiền xi măng dây chuyền 110 tấn/h, sử dụng phụ gia mới thay cho xỉ lò cao nghiền đưa vào sản xuất làm cho chất lượng xi măng ổn định, tăng năng suất máy nghiền xi măng từ 10% lên 20%, giảm chi phí điện năng từ 5 Kw -10 Kw/ tấn sản phẩm góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh tăng lợi nhuận của Công ty. Năm 2014, Công ty tiếp tục đầu tư vôi đốt 5 kênh FA-5-ZFA5 do Công ty TNHH Thương Mại Phương Đông kết hợp với Công ty TNHH Thương mại Cao Sâm Trịnh Châu chuyên giao công nghệ lắp đặt, chạy thử vận hành. Đây là loại vôi đốt dùng cho lò quay nung clinker, xi măng sử dụng than chất lượng thấp, nhiệt trị ≥ 5.400 Kcal/kg. So với loại than 4A chất lượng tốt, nhiệt trị cao mà trước công ty hay sử dụng thì lượng than nhiệt trị thấp 5A tiêu tốn chi tương đương với lượng than 4A nhưng chi phí thì thấp hơn 20%, tiết kiệm cho chi phí than cho công ty mỗi năm hàng chục tỉ đồng. Công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Về Nhà máy, kho bãi

Vị trí địa lý các nhà máy và kho bãi ở gần mỏ nguyên liệu, nằm sát đường Quốc lộ 1B thuận lợi cho việc khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu;

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xi măng đã tạo dựng và chèo lái Công ty ngày một vững mạnh, đoàn kết và gặt hái được nhiều thành công.

Công tác thị trường

Công ty tổ chức tốt công tác thị trường các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như cũng như khả năng thanh toán của khách hàng và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà máy xi măng trong và ngoài Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành vật liệu xây dựng (VLXD) nói chung và xi măng nói riêng trong một vài năm trở lại đây đang cho thấy những dấu hiệu tích cực khi thị trường bất động sản bắt đầu phục hồi nhờ những chính sách hỗ trợ của Chính phủ, kéo theo nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tăng lên. Trong 09 tháng đầu năm 2015, toàn ngành công nghiệp xi măng đã sản xuất và tiêu thụ 52,11 triệu tấn xi măng và clinker, trong đó xi măng tiêu thụ nội địa đạt 40,26 triệu tấn, vượt 8% so với cùng kỳ năm 2014 và đạt 73% kế hoạch năm¹.

Ngành xi măng sẽ tiếp tục triển vọng phục hồi trong thời gian tới với một số thông tin hỗ trợ ngành sau:

Nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng trong nước

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, từ nay đến năm 2020, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng trong nước được thể hiện ở bảng sau:

Dự báo nhu cầu VLXD trong nước đến năm 2020

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị	Nhu cầu trong nước	
			Năm 2015	Năm 2020
1.	Xi măng	Triệu tấn	56	93
2.	Vật liệu ốp lát	Triệu m ²	320	470
3.	Sứ vệ sinh	Triệu sản phẩm	12,69	20,68
4.	Kính xây dựng	Triệu m ²	80	110
5.	Vật liệu xây	Tỷ viên	26	30
6.	Vật liệu lợp	Triệu m ²	96,3	106,5
7.	Vôi	Triệu tấn	3,9	5,7
8.	Đá xây dựng	Triệu m ³	125	181
9.	Cát xây dựng	Triệu m ²	92	130

Nguồn: Bộ Xây dựng

Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng năm 2030

¹ Nguồn: Vụ Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng)

Với mục tiêu phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt công nghệ sản xuất tiên tiến, sản phẩm chất lượng cao, tiêu hao nguyên liệu thấp, đáp ứng đủ nhu cầu thị trường trong nước và tham gia xuất khẩu. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng năm 2030, các chỉ tiêu quy hoạch cụ thể đối với ngành xi măng bao gồm:

❖ **Tổng công suất thiết kế**

Tổng công suất thiết kế các nhà máy xi măng đến năm 2020 khoảng 120 – 130 triệu tấn/năm.

❖ **Quy mô công suất**

Công suất thiết kế 01 dây chuyền sản xuất không nhỏ hơn 2.500 tấn clinker/ngày.

❖ **Công nghệ**

Tiên tiến, tự động hóa cao, tiết kiệm tối đa nguyên, nhiên liệu năng lượng. Đầu tư đồng bộ hệ thống tận dụng nhiệt khí thải lò nung để phát hiện và sử dụng nhiên liệu thay thế.

❖ **Sản phẩm**

Nâng cao chất lượng sản phẩm xi măng, đa dạng hóa các chủng loại xi măng đáp ứng các nhu cầu xây dựng đặc biệt như: Xi măng mác cao, xi măng cho công trình biển, xi măng giếng khoan dầu khí, xi măng bèn xâm thực và các loại xi măng khác.

❖ **Mức tiêu hao và chỉ tiêu môi trường**

- Tiêu hao nhiệt năng ≤ 730 kcal/kg clinker
- Tiêu hao điện năng ≤ 90 kWh/tấn xi măng
- Nồng độ bụi phát thải ≤ 30 mg/Nm³

❖ **Định hướng đầu tư**

Định hướng đầu tư phát triển xi măng từng giai đoạn phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam và Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng.

Tổng công suất thiết kế tối đa cho xi măng phù hợp từng vùng kinh tế được quy định tại bảng sau:

Công suất thiết kế tối đa cho xi măng tại từng vùng kinh tế

Đơn vị tính: triệu tấn

TT	Vùng kinh tế	Công suất thiết kế tối đa	
		Năm 2015	Năm 2020
1.	Trung du và miền núi phía Bắc	12,18	14,77
2.	Đồng bằng sông Hồng	39,15	51,07
3.	Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung	23,06	40,60
4.	Tây Nguyên	-	-
5.	Đông Nam Bộ	3,80	13,30
6.	Đồng bằng sông Cửu long	4,47	5,63
Tổng		82,66	125,37

Nguồn: Quyết định số 1469/QĐ – TTg

❖ **Tăng cường sử dụng xi măng trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông**

Hiện nay, xu hướng làm đường bê tông xi măng đang được nhiều nước áp dụng do chi phí khai thác mặt đường bê tông xi măng thường rẻ hơn so với đường nhựa. Điều này là do chi phí duy tu bảo dưỡng của bê tông xi măng thấp hơn và tuổi thọ cao hơn so với đường nhựa. Do vậy, chủ trương sử dụng xi măng làm đường giao thông sẽ làm gia tăng nhu cầu xi măng trong nước.

Một số dự án đường giao thông đã và đang được Bộ Giao thông Vận tải thí điểm sử dụng đường bê tông xi măng như: Dự án đường cao tốc Ninh Bình – Thanh Hóa với tổng mức đầu tư 32.000 tỷ đồng; Dự án đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với tổng mức đầu tư 45.487 tỷ đồng; Tuyến đường nối cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với QL1A; Dự án điều chỉnh QL32C, đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ,...

7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

7.3.1. Định hướng phát triển của Công ty

Mục tiêu năm 2015 và các năm tiếp theo nhiệm vụ của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là: Duy trì và ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí. Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công

ấn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

Để đạt được mục tiêu trên, Công ty đã hoạch định những chiến lược trung và dài hạn rõ ràng, cụ thể:

Chiến lược về sản phẩm và thị trường

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao;
- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh;
- Tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai;
- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra chính sách phù hợp.

Chiến lược đầu tư công nghệ

- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực;
- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường;
- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới;
- Tiếp tục có những giải pháp cải tạo công nghệ, thiết bị trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Chiến lược về tài chính

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác quản trị chi phí trong các công đoạn;

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty;
- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ;
- Tích cực đưa ra giải pháp để giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu; tăng hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn;
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

Chiến lược nhân sự

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính. Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty;
- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi;
- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

7.3.2. Đánh giá về sự phù hợp phát triển định hướng của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty hiện nay, cũng như các kế hoạch của Công ty trong tương lai với các quy định và định hướng phát triển của ngành vật liệu xây dựng nói chung và ngành xi măng nói riêng, có thể thấy Công ty đang chủ động mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm giảm bớt áp lực từ các đối thủ cạnh tranh và tình trạng dư thừa nguồn cung; Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mục tiêu tiết kiệm, nâng cao thời gian hoạt động,

năng suất thiết bị tạo sức cạnh tranh bền vững cho sản phẩm; tiếp tục nghiên cứu ứng dụng cải tiến kỹ thuật, công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Định hướng phát triển này của Công ty là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của ngành, với các chính sách Nhà nước cũng như bắt kịp xu thế chung của thế giới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng cán bộ nhân viên của Công ty

- Tổng số nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015: 718 người

Cơ cấu lao động tại Công ty tại thời điểm 31/12/2015

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1.	Cán bộ quản lý	62	8,64%
2.	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	48	6,69%
3.	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	18	2,51%
4.	Nhân viên phục vụ	15	2,09%
5.	Công nhân lao động	575	80,08%
Tổng cộng		718	100%

Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn:

1.	Trình độ thạc sỹ	4	0,56%
2.	Trình độ đại học, cao đẳng	179	24,93%
3.	Trình độ trung cấp	57	7,94%
4.	Công nhân kỹ thuật	467	65,04%
5.	Lao động phổ thông	11	1,53%
Tổng cộng		718	100%

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Xác định nguồn nhân lực là quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên biệt, tận tụy và trung

thành với mục tiêu phát triển của Công ty. Trong năm đã ban hành được Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.
- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.
- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như : Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động, cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát,.. để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- ❖ Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- ❖ Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

- ❖ Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- ❖ Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm

Năm	2013	2014	2015
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0%	10%	12%
Hình thức chi trả	-	Tiền mặt	Tiền mặt

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức là 12%, cao hơn so với tỷ lệ 10% đã đề xuất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Trong năm 2015, Công ty chưa tạm ứng cổ tức của năm 2015. Dự kiến, Cổ tức của năm 2015 sẽ được chi trả trong quý II năm 2016.

10. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

❖ **Khấu hao tài sản cố định**

Công ty thực hiện chính sách kế toán đối với TSCĐ và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó, Công ty trích lập khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 25 năm

- Máy móc thiết bị: 05 – 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 – 10 năm
- Dụng cụ quản lý: 05 năm
- Quyền sử dụng đất: 30 năm

❖ **Thu nhập bình quân**

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2015 là 6.933.400 đồng/tháng. Dự kiến trong năm 2016 với tình hình tiêu thụ xi măng còn gặp nhiều khó khăn, Ban lãnh đạo công ty đặt kế hoạch thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt 6.973.692 đồng/tháng.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện đúng luật định.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế theo quy định của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
1.	Thuế giá trị gia tăng	3.011.990.318	7.904.020.813
2.	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
3.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.405.418.354	2.567.337.424
5.	Thuế thu nhập cá nhân	5.031.889	84.267.929
6.	Thuế tài nguyên	78.824.029	282.534.686
7.	Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
8.	Các loại thuế khác	-	17.246.000
9.	Thuế môn bài	-	-
10.	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.352.747.228	144.217.018

	Cộng	8.854.011.818	10.999.623.870
--	-------------	----------------------	-----------------------

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 - CTCP Xi măng La Hiên VVMI

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
1	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.934.192.953	6.276.980.031
2	Quỹ Đầu tư phát triển	8.372.632.151	17.695.086.554

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015- CTCP Xi măng La Hiên VVMI

❖ **Tổng dư nợ vay**

Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	157.045.849.472	134.747.939.921
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	181.956.907.873	107.711.666.670
Tổng dư nợ vay	339.002.757.345	242.459.606.591

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015- CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản vay	Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015
A	Vay ngắn hạn	91.675.331.425
1	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP	40.110.000.000

TT	Khoản vay	Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015
	Công thương Thái Nguyên	
2	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Thái nguyên	40.265.331.425
3	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & PT CN Thái nguyên	10.000.000.000
4	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Vietcombank Thái Nguyên	1.300.000.000
B	Nợ dài hạn đến hạn trả	43.072.608.496
I	Vay vốn Ngân hàng phát triển Thái Nguyên (LS 8,4%/năm)	33.355.000.000
2	Vay vốn ngân hàng TMCP quân đội - CN Thái Nguyên	266.666.664
3	Vay vốn tín dụng Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.209.928.682
4	Vay vốn CBCNV	3.241.013.150
	Tổng cộng	134.747.939.921

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Chi tiết các khoản vay dài hạn của công ty

TT	Khoản vay	Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015
I	Vay vốn Ngân hàng phát triển Thái Nguyên	106.545.000.000
1	DA mở rộng nâng cao công suất NMXMLH (LS 8,4%/năm)	106.545.000.000
II	NH thương mại CP Quân Đội - CN Thái Nguyên	466.666.670
1	DA thi công XD kho chứa NVL	466.666.670
III	Vay vốn CBCNV	700.000.000
	Tổng cộng	107.711.666.670

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

❖ **Tình hình công nợ**

Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	22.738	18.529
1.	Phải thu khách hàng	22.473	19.286
-	Phòng tài chính kế hoạch huyện Võ Nhai	-	8.272
-	Công ty TNHH thương mại và Vận Tải Luận Khánh	2.424	2.479
-	Các khoản phải thu khách hàng khác	20.050	8.535
2.	Trả trước cho người bán	132	-
3.	Các khoản phải thu khác	523	655
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(392)	(1.412)
II	Các khoản phải thu dài hạn	199	227
1	Phải thu dài hạn khác	199	227
	Tổng cộng các khoản phải thu	22.577	18.756

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015- CTCP Xi măng La Hiên VVMI
 Trong năm 2015, Công ty có 02 khoản phải thu lớn từ Phòng tài chính kế hoạch huyện Võ Nhai và Công ty TNHH Thương mại và Vận Tải Luận Khánh do Khách hàng nợ tiền mua xi măng. Cả 02 khoản phải thu này đều có khả năng thu hồi và thời hạn thanh toán là trong năm 2016.

Tại thời điểm 31/12/2015, khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của công ty là 1,412 tỷ đồng.

Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
I.	Nợ ngắn hạn	300.723.670.614	314.742.145.472
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	104.508.959.669	128.931.565.910
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.812.442.588	96.414.984

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
3.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	8.854.011.818	10.999.623.870
4.	Phải trả người lao động	11.634.621.745	18.946.590.139
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.275.694.610	1.814.423.821
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	886.059.451	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	10.771.838.308	12.701.913.591
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	157.045.849.472	134.747.939.921
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	226.693.205
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.934.192.953	6.276.980.031
II.	Nợ dài hạn	205.956.907.873	107.711.666.670
1.	Phải trả người bán dài hạn	24.000.000.000	-
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	181.956.907.873	107.711.666.670
Tổng cộng		506.680.578.487	422.453.812.142

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015- CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Khoản phải trả người bán ngắn hạn chủ yếu là khoản phải trả Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (94,6 tỷ đồng). Năm 2015, khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng hơn 24 tỷ so với năm 2014 do khoản phải trả người bán dài hạn từ năm 2014 đã trở thành khoản phải trả ngắn hạn trong năm 2015. Đây là khoản phải trả mua than từ Công ty kho vận và cảng Cẩm phả thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngoài ra, khoản phải trả ngắn hạn khác chủ yếu là khoản cổ tức phải trả. Cổ tức phải trả tại 31/12/2015 là 12.153.345.500 đồng, bao gồm 12 tỷ đồng là cổ tức năm 2015 theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 hiện đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.

Khoản phải trả người lao động tại ngày 31/12/2015 tăng hơn 7 tỷ so với thời điểm cuối năm 2014 do Công ty đã tiến hành trích dự phòng quỹ lương cho người lao động sau một năm công ty kinh doanh có lãi và vượt kế hoạch đề ra. Khoản dự phòng này được trích với tỷ lệ 17% tổng quỹ lương của năm 2015 và sẽ được phân phối thưởng cho người lao động trong 6 tháng đầu năm 2016.

Tại thời điểm 31/12/2015 Nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn.

❖ Hàng tồn kho

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
1.	Nguyên liệu, vật liệu	22.849.474.893	203.618.319	32.343.164.175	-
2.	Công cụ, dụng cụ	70.630.599	-	92.336.992	-
3.	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.016.509.479	-	17.769.901.834	-
4.	Hàng hóa	-	-	17.181.733	-
5.	Hàng gửi đi bán	192.926.953	-	70.981.196	-
	Cộng	45.129.541.924	203.618.319	50.293.565.930	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015- CTCP Xi măng La Hiên VVMJ

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 203.618.319 đồng đối với những vật tư tồn kho chậm luân chuyển đề nghị bán thanh lý hoặc đề nghị hủy, chủ yếu là vật tư ở kho vật tư dây truyền, phụ tùng ô tô.

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
❖	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,25	0,21
❖	Hệ số thanh toán nhanh	0,08	0,07
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
❖	Hệ số nợ/ Tổng tài sản (%)	82,32	78,14
❖	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu (lần)	4,66	3,58
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
❖	Vòng quay hàng tồn kho	8,72	11,67

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
❖	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,88	1,12
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
❖	Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	3,93%	3,91%
❖	Hệ số Lợi nhuận thuần/DTT	4,37%	5,02%
❖	Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	3,45%	4,38%
❖	Hệ số LNST/VCSH (ROE)	21,74%	22,31%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu
I.	Hội đồng quản trị			
1.	Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch	1961	011822545
2.	Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	1966	090656946
3.	Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên	1974	090656943
4.	Trần Việt Cường	Ủy viên	1974	090662573
5.	Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên	1969	090954547
II.	Ban Giám đốc			
1.	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	1966	090656946
2.	Lê Bá Chức	Phó Giám đốc	1965	090590490
3.	Bùi Xuân Hồng	Phó Giám đốc	1956	090508520
4.	Nguyễn Văn Tập	Phó Giám đốc	1958	090194906
5.	Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc	1964	090594380
III.	Ban Kiểm soát			
1.	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban Kiểm soát	1983	091884904

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu
2.	Hồ Thị Huệ	Ủy viên ban Kiểm soát	1964	011632818
3.	Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên ban Kiểm soát	1962	090492407
IV.	Kế toán trưởng			
❖	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	1974	090656943

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên - VVMI

11.2. Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

❖ Ông NGÔ NGỌC SƠN – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	: Ngô Ngọc Sơn
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 19 tháng 08 năm 1961
Nơi sinh	: Tổ dân phố Đa Vạn, P.Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh
Số CMND	: 011822545
Ngày cấp	: 6/6/2009
Nơi cấp	: Công an Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 22, ngõ Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ điện, Kỹ sư kinh tế, Cử nhân Luật
Quá trình công tác	:
- Từ 1984 – 1987	: Kỹ thuật phân xưởng khai thác – Xí nghiệp than Núi Hồng
- Từ 1987 – 1988	: Kỹ thuật phòng Cơ điện vận tải – Xí nghiệp than Núi Hồng
- Từ 1989 – 1992	: Phó phòng phụ trách phòng Cơ điện vận tải – Xí nghiệp than Núi Hồng
- Từ 09/1992 – 06/1996	: Kỹ thuật phòng Cơ điện – Cơ khí Công ty than nội địa
- Từ 06/1996 – 12/1996	: Phó phòng KTKH Công ty than nội địa
- Năm 1997	: Trưởng phòng KTKH Công ty than nội địa
- Từ 1998 – 06/1999	: Trưởng phòng vật tư Công ty than nội địa

BẢN CÁO BẠCH

- Từ 07/1999 – Năm 2010 : Trưởng phòng Cơ điện Tổng Công ty CN mở Việt Bắc TKV-CTCP
- Từ 2010 đến nay : Phó tổng giám đốc Tổng công ty công nghiệp mở Việt Bắc TKV-CTCP
- Từ 1/10/2012 đến nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty công nghiệp mở Việt Bắc TKV-CTCP : 3.000.000 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 73.000 cổ phần, chiếm 0,73% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Ngô Thị Hương	Vợ	40.000	0,4 %

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Ông NGUYỄN VĂN DŨNG - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty**

- Họ và tên : **Nguyễn Văn Dũng**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01 tháng 10 năm 1966
- Nơi sinh : Nghĩa Hưng, Lạng Giang, Bắc Giang
- Số CMND : 090.656.946
- Ngày cấp : 20/7/2007
- Nơi cấp : CA Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 484, Tổ 8, P.Đồng Quang, Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác :
- Từ 1985 – 1991 : Học sinh học nghề tại Tiệp Khắc
- Từ 04/1991 – 12/1994 : Cán bộ phòng KHVT trường CNKT Mỏ

BẢN CÁO BẠCH

- Từ 12/1994 – 01/1997 : Cán bộ phòng KHVT Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 01/1997 – 12/2003 : Phó phòng KHVT Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 12/2003 – 01/2008 : Trưởng phòng KHVT Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 01/2008 – 05/2010 : Trưởng phòng KHVT CTCP Xi măng La Hiên VVMI
- Từ 05/2010 – 10/2012 : Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KHVT CTCP xi măng La Hiên VVMI
- Từ 11/2012 đến nay : Giám đốc CTCP xi măng La Hiên VVMI
- Từ 2008 đến nay : Ủy viên HĐQT CTCP xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP : 1.138.300 cổ phần, chiếm 11,38% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 52.300 cổ phần, chiếm 0,52% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Ngô Thị Minh Hằng	Vợ	3.000	0.03%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Bà LÊ THỊ THU HIỀN - Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

- Họ và tên : **Lê Thị Thu Hiền**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04 tháng 05 năm 1974
- Nơi sinh : Sơn Cẩm, Phú Lương, Thái Nguyên
- Số CMND : 090656943
- Ngày cấp : 19/05/2004
- Nơi cấp : CA Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam

BẢN CÁO BẠCH

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 10, P.Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ kinh tế công nghiệp
- Quá trình công tác :
- Từ 04/1995 – 06/2001 : Chuyên viên KTTKTC tại Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 07/2001 – 10/2004 : Phó phòng KTTKTC tại Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 10/1994 – 05/2005 : Quyền Trưởng phòng KTTKTC Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 05/2005 – 08/2006 : Trưởng phòng KTTKTC Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 09/2006 – 01/2008 : Kế toán trưởng Nhà máy xi măng La hiên
 - Từ 01/2008 đến nay : Kế toán trưởng CTCP xi măng La Hiên VVMI
 - Từ 4/2014 đến nay : Ủy viên HĐQT CTCP xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP : 1.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 38.000 cổ phần, chiếm 0,37% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Lê Huy Hoàng	Anh	13.700	0, 137%
Lê Thị Minh Hiếu	Em	46.700	0, 467%
Nguyễn Quang Anh	Con	27.000	0,27%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Ông TRẦN VIỆT CƯỜNG - Ủy viên HĐQT**

BẢN CÁO BẠCH

Họ và tên : **Trần Việt Cường**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 26 tháng 03 năm 1974

Nơi sinh : Thái Nguyên

Số CMND : 090662573

Ngày cấp : 15/9/2005

Nơi cấp : CA Thái Nguyên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 14, P.Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác :

- Từ 1996 – 1998 : Công nhân Phân xưởng cơ điện Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 1998 – 2002 : Cán bộ kỹ thuật phòng Công nghệ Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 2002 – 2010 : Quản đốc Phân xưởng lò nung Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 2010 đến nay : Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất xi măng CTCP xi măng La Hiên VVMI
- Từ 2013 đến nay : Ủy viên HĐQT CTCP xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ sở hữu
- Số lượng cổ phần cá nhân : 10.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ sở hữu

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Ông PHẠM MẠNH TIẾN - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên : **Phạm Mạnh Tiến**

BẢN CÁO BẠCH

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 07 tháng 02 năm 1969

Nơi sinh : Phúc Hà, Thái Nguyên

Số CMND : 090954547

Ngày cấp : 28/05/2015

Nơi cấp : CA Thái Nguyên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 15, P.Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác :

Từ 01/1997 – 10/1999 : Nhân viên Phòng Vật tư thị trường Nhà máy xi măng La Hiên

Từ 10/1999 – 08/2001 : Phó phòng Kinh doanh thị trường Nhà máy xi măng La Hiên

Từ 08/2001 – 01/2008 : Trưởng phòng Kinh doanh thị trường Nhà máy xi măng La Hiên

Từ 01/2008 đến nay : Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh thị trường CTCP xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 6.600 cổ phần, chiếm 0,066% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Phạm Văn Tài	Bố ruột	27.100	0.27%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.3. Lý lịch thành viên Ban Giám đốc

❖ **Ông NGUYỄN VĂN DŨNG – Giám đốc:** Như trên

❖ **Ông LÊ BÁ CHỨC – Phó Giám Đốc**

Họ và tên	:	Lê Bá Chức
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	10 tháng 05 năm 1965
Nơi sinh	:	Xuân Hòa, Thọ Xuân, Thanh Hóa
Số CMND	:	090590490
Ngày cấp	:	05/10/2015
Nơi cấp	:	CA Thái Nguyên
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 18, P.Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, kỹ sư quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác	:	
- Từ 05/1990 – 05/1994	:	Nhân viên Nhà máy Cơ khí mở Bắc Thái
- Từ 05/1994 – 03/1995	:	Cán bộ Ban cán bộ sản xuất Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 10/1995 – 10/1996	:	Phó Quản đốc Phân xưởng Liệu sống Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 10/1996 – 11/2003	:	Quản đốc Phân xưởng Liệu sống Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 11/2003 – 06/2004	:	Quản đốc Phân xưởng Lò nung
- Từ 06/2004 – 01/2008	:	Phó Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 01/2008 đến nay	:	Phó Giám đốc CTCP xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ diện sở hữu
- Số lượng cổ phần cá : 15.700 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ nhân sở hữu

Số lượng cổ phần của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Phan Thị Hằng	Vợ	4.500	0.045%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Ông BUI XUÂN HỒNG – Phó Giám đốc**

Họ và tên : **Bùi Xuân Hồng**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 22 tháng 05 năm 1956

Nơi sinh : Thụy Hương, An Thụy, Hải Phòng

Số CMND : 090508520

Ngày cấp : 25/4/2005

Nơi cấp : CA Thái Nguyên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 2, P. Thịnh Bàn, Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác :

- Từ 05/1972 – 10/1982 : Bộ đội Trung đoàn 230 Quân khu V

- Từ 11/1982 – 12/1986 : Cán bộ Mỏ than Khánh Hòa

- Từ 01/1987 – 11/1990 : Cán bộ Trường Công nghệ kỹ thuật mỏ

- Từ 12/1990 – 10/1994 : Trưởng phòng sản xuất Trường Công nghệ kỹ

BẢN CÁO BẠCH

- thuật mỏ
- Từ 11/1994 – 11/1995 : Trưởng phòng KHVT Trường Công nghệ kỹ thuật mỏ
 - Từ 11/1995 – 07/1998 : Trưởng phòng cung ứng vật tư và thị trường Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 08/1998 – 07/1999 : Trợ lý Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 08/1999 – 08/2003 : Phó Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 08/2003 – 09/2006 : Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá và vật liệu xây dựng La Hiên
 - Từ 10/2006 – 01/2008 : Phó Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 01/2008 đến nay : Phó Giám đốc CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Ông NGUYỄN VĂN TẬP – Phó Giám đốc**

Họ và tên : **Nguyễn Văn Tập**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20 tháng 08 năm 1958

Nơi sinh : Bằng Giã, Hạ Hòa, Phú Thọ

Số CMND : 090194906

Ngày cấp : 10/1/2009

Nơi cấp : CA Thái Nguyên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phường Quan Triều, Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế & Quản trị doanh nghiệp

- Quá trình công tác :
- Từ 12/1981 – 08/1988 : Nhân viên Trường công nghệ kĩ thuật mỏ
 - Từ 08/1988 – 09/1990 : Công nhân lao động tại Đức
 - Từ 11/1990 – 01/1997 : Lái xe Trường công nghệ kĩ thuật mỏ
 - Từ 01/1997 – 08/1999 : Nhân viên Phòng Vật tư, tiêu thụ Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 08/1999 – 12/2000 : Phó phòng Hành chính Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 12/2000 – 01/2004 : Chánh văn phòng Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 01/2004 – 01/2008 : Phó Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 01/2008 đến nay : Phó Giám đốc CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 5.700 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Ông VŨ NGỌC BÁCH – Phó Giám đốc**

- Họ và tên : **Vũ Ngọc Bách**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10 tháng 04 năm 1964
- Nơi sinh : Nam Lợi, Nam Ninh, Nam Hà
- Số CMND : 090594380
- Ngày cấp : 19/5/2004
- Nơi cấp : CA Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 1, P. Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ

Quá trình công tác :

- Từ 04/1985 – 06/1989 : Cán bộ kỹ thuật Mỏ than Khánh Hòa
- Từ 07/1990 – 02/1994 : Đốc công khai thác Mỏ than Khánh Hòa
- Từ 01/1994 – 03/1995 : Kỹ sư kỹ thuật Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 04/1995 – 05/1996 : Phó Giám đốc Phân xưởng Đá sét Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 06/1996 – 08/1998 : Phó Giám đốc Phân xưởng Liệu sống Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 09/1998 – 07/2003 : Quản đốc Phân xưởng thành phẩm Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 08/2003 – 09/2006 : Phó Giám đốc Xí nghiệp khai thác và VLXD
- Từ 10/2006 – 02/2007 : Phó Giám đốc Nhà máy xi măng La Hiên
- Từ 01/2008 đến nay : Phó Giám đốc CTCP xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.4. Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

❖ Ông NGUYỄN ANH TUẤN – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Anh Tuấn

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10 tháng 03 năm 1983

Nơi sinh : Nghĩa Hiếu, Nghĩa Đàn, Nghệ An

BẢN CÁO BẠCH

Số CMND : 091884904
Ngày cấp : 21/03/2016
Nơi cấp : CA Thái Nguyên
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 8, P. Quang Vinh , TP Thái Nguyên , tỉnh Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :
- Từ 7/2004 – 6/2005 : Chuyên viên Kinh doanh tại Công ty TNHH SX hàng tiêu dùng Bình Tiên - Chi nhánh Biti's Miền Bắc
- Từ 7/2005 – 3/2008 : Chuyên viên Kế toán tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
- Từ 3/2008 – 11/2014 : Phó phòng KTTKTC tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
- Từ 11/2014 – 3/2016 : Chuyên viên P. KHVT tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI
- 3/2016 đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát CTCP xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ diện sở hữu

Số lượng cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Bà HỒ THỊ HUỆ - Ủy viên Ban kiểm soát**

Họ và tên : **Hồ Thị Huệ**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 22 tháng 06 năm 1964

BẢN CÁO BẠCH

Nơi sinh : Thái Nguyên

Số CMND : 011632818

Ngày cấp : 04/03/2010

Nơi cấp : Công an Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 31, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ 4/1986 đến 7/1998 : Nhân viên P Tài vụ tại XN Vật tư Vận tải & Chế biến than
- Từ 8/1998 đến 7/2005 : Chuyên viên P Kiểm toán tại Công ty than Nội địa
- Từ 8/2005 đến 7/2009 : Phó phòng Kiểm toán tại Công ty than Nội địa
- Từ 8/2009 đến 2/2010 : Kế toán trưởng tại CT CP SX & KD Vật tư Thiết bị - VVMI
- Từ 3/2010 đến nay : Chuyên viên P Kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV- CTCP
- Từ 12/04/2016 đến nay : Ủy Viên BKS CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Ông NGUYỄN XUÂN HẬU - Ủy viên Ban Kiểm soát – Trưởng phòng KHVT**

Họ và tên : **Nguyễn Xuân Hậu**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 02 tháng 10 năm 1962

BẢN CÁO BẠCH

- Nơi sinh : Khánh Thượng, Yên Mô, Ninh Bình
- Số CMND : 090492407
- Ngày cấp : 26/9/2009
- Nơi cấp : CA Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 17, TT Chùa Hang, Đồng Hỷ, Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác :
- Từ 07/1979 – 06/1982 : Công nhân công ty cầu đường II – Công ty Giao thông vận tải Hoàng Liên Sơn
 - Từ 09/1986 – 11/1993 : Công nhân viên chức Nhà máy cơ khí mỏ Bắc Thái
 - Từ 11/1993 – 01/1994 : Công nhân viên chức Trường Công nghệ kỹ thuật mỏ
 - Từ 01/1994 – 12/2003 : Công nhân viên chức Nhà máy xi măng La Hiên
 - Từ 12/2003 – 11/2012 : Phó phòng KHVT CTCP Xi măng La hiên
 - Từ 1/2008 đến nay : UV Ban Kiểm soát CTCP Xi măng La Hiên VVMI
 - Từ 11/2012 đến nay : Trưởng phòng KHVT CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:

- Số lượng cổ phần đại : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ diện sở hữu
- Số lượng cổ phần cá : 10.100 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ nhân sở hữu

Số lượng cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.5. Kế toán trưởng

❖ **Bà LÊ THI THU HIỀN – Kế toán trưởng: Như trên**

12. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
I.	Tài sản cố định hữu hình	915.205	453.075	50,49%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	321.569	170.187	47,08%
2.	Máy móc, trang thiết bị	567.452	280.589	50,55%
3.	Phương tiện vận tải	25.864	2.257	91,27%
4.	Thiết bị văn phòng	319	42	86,83%
II.	Tài sản cố định vô hình	21.458	16.857	21,44%
1.	Quyền sử dụng đất	19.826	16.857	14,98%
2.	TSCĐVH khác	1.632	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015

Tình hình đất đai và sở hữu bất động sản của Công ty

TT	Hợp đồng	Diện tích	Mục đích sử dụng
1.	Số 508/HĐTĐ	49,000 m ²	Được sử dụng xây dựng Nhà máy xi măng La Hiên
2.	Số 499/HĐTĐ	5,000 m ²	Được sử dụng làm văn phòng làm việc
3.	Số 500/HĐTĐ	18,675 m ²	Được sử dụng làm bãi chứa nguyên liệu
4.	Số 504/HĐTĐ	96,000 m ²	Được sử dụng vào mục đích mở rộng nhà máy
5.	Số 502/HĐTĐ	17,461 m ²	Được sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà tập thể và các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất
6.	Số 503/HĐTĐ	9,000 m ²	Được sử dụng xây dựng văn phòng Xí nghiệp khai thác đá La Hiên (3,776 m ²) và

TT	Hợp đồng	Diện tích	Mục đích sử dụng
			bãi đỗ xe (5,224 m ²)
7.	Số 505/HĐTĐ	30,000 m ²	Được sử dụng vào mục đích khai thác đá
8.	Số 506/HĐTĐ	29,235 m ²	Được sử dụng vào mục đích khai thác nguyên liệu sét
9.	Số 507/HĐTĐ	1,410 m ²	Được sử dụng vào mục đích xây dựng kho mìn
10.	Số 501/HĐTĐ	8,553 m ²	Được sử dụng xây dựng nhà tập thể cho cán bộ, nhân viên
11.	Số 498/HĐTĐ	9,950 m ²	Được sử dụng vào mục đích xây dựng kho mìn
12.	Số 82/HĐTĐ	816,4 m ²	Được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh
13.	Số 09/HĐTĐ	38,711.6 m ²	Được sử dụng vào mục đích mở rộng bãi chứa nguyên liệu tại huyện Võ Nhai
14.	Số 78/HĐTĐ	312,882 m ²	Khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuông

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	
		Giá trị	% tăng giảm so với thực hiện năm 2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	577.555	-10,70%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27.000	-16,98%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	21.600	-14,68%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	100.000	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,65	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	21,10%	

Cổ tức	%	10%	
---------------	----------	------------	--

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Công ty đã xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức cho năm 2016 tương tự kế hoạch năm 2015 và thấp hơn so với kết quả thực hiện năm 2015 dựa trên việc đánh giá thuận lợi và khó khăn của thị trường tiêu thụ xi măng trong năm 2016. Trong khi những yếu tố thuận lợi bắt nguồn từ đà phục hồi nền kinh tế và sự khởi sắc của thị trường bất động sản, các doanh nghiệp sản xuất xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI nói riêng phải tiếp tục đối phó với sức ép cạnh tranh lớn. Theo Vụ trưởng Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng Lê Văn Tới, tổng công suất các nhà máy xi măng của nước ta đạt khoảng 81,5 triệu tấn, trong khi năm 2016 dự kiến tiêu thụ tăng 5 - 7% so với năm 2015 đạt khoảng 75 - 76 triệu tấn, đồng nghĩa với việc cung vẫn vượt cầu. Trong khi đó, khả năng xuất khẩu xi măng trong năm 2016 và các năm tiếp theo sẽ tiếp tục gặp khó khăn do sức ép từ xi măng từ các doanh nghiệp Trung Quốc khi mà nước này hiện đang trong tình trạng dư thừa công suất khoảng 670 triệu tấn xi măng.

Trong bối cảnh thị trường tiêu thụ xi măng được dự báo vẫn tiếp tục cạnh tranh khốc liệt, khó khăn và nhiều thách thức như vậy, để đạt được kết quả kinh doanh trên, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các định hướng hoạt động sau:

- ***Đối với công tác đầu tư xây dựng:*** Mục tiêu của Công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt, đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước. Trong thời gian tới, Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI sẽ tiếp tục kế hoạch đầu tư vào các dự án Mỏ đá vôi Đồng Chuông, mở rộng mỏ sét Cúc Đường; đầu tư mua Máy xúc lật dung tích trên 3m³, xe ô tô bán tải phục vụ công tác thị trường, hệ thống cân cấp than Dây chuyền lò quay 2...
- ***Công tác sản xuất kinh doanh:***

- Phần lớn các hợp đồng công ty ký kết với khách hàng năm 2015 là hợp đồng nguyên tắc, sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2016. Theo đó, khi khách hàng có nhu cầu sẽ gửi Đơn đặt hàng bằng văn bản ghi chi tiết hàng hóa, số lượng, giá cả, giao hàng và phương thức thanh toán. Giá bán là giá tại thời điểm xuất hàng.
- Công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh giúp công ty đề ra các chính sách phù hợp để giữ thị trường. Tích cực trong quản lý thị trường, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng với mục tiêu điều hành sản xuất đủ clinker nghiền phục vụ sản xuất và tiêu thụ trên 650.000 tấn/năm;
- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường;
- Bổ sung hoàn chỉnh đầy đủ các quy trình vận hành, quy trình bảo dưỡng thiết bị; Tăng cường kiểm tra vệ sinh thiết bị; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa hợp lý, chuẩn bị tốt nhân lực vật tư để tổ chức bảo dưỡng thiết bị, dây chuyền có kế hoạch cụ thể để tăng thời gian huy động của một số thiết bị chủ yếu như lò quay, máy nghiền than, máy nghiền liệu sống, máy nghiền xi măng, công đoạn gia công đá vôi;
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo dưỡng sửa chữa và vệ sinh thiết bị hàng ngày; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa hợp lý, thành lập tổ kiểm tra, kiểm tu thiết bị ở mỗi đơn vị phân xưởng và cảnh báo cho đơn vị quản lý và phòng Cơ điện về tình trạng kỹ thuật thiết bị để ngăn ngừa sự cố, chuẩn bị tốt nhân lực vật tư để tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có kế hoạch, tránh tình trạng thiết bị phải sửa chữa theo tình thế; tăng thời gian huy động thiết bị;
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là công tác quản lý kỹ thuật, cơ điện, đầu tư xây dựng, khoán và quản trị chi phí, tài chính, kế toán và lao động tiền lương, vật tư. Thực hiện theo đường lối chủ trương của Đảng,

chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP;

- Tăng cường công tác khoán quản chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua các giải pháp mạnh; Siết chặt việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật như định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, nhiên liệu, điện năng theo hướng giảm định mức tiết giảm chi phí 0,5%; khoán tiền lương cho các khối sản xuất;
- Xây dựng cơ chế phù hợp triển khai mô hình khoán giá thành công đoạn sản xuất các phân xưởng Cấp liệu, Lò quay, Thành phẩm, Khai thác đá nhằm nâng cao tính tự chủ, sáng tạo trong quản lý điều hành sản xuất tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất;
- Tiếp tục nâng cao và hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý, đặc biệt là quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất ở các phân xưởng đủ sức đảm đương nhiệm vụ được giao; Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tổng toàn Công ty được nhịp nhàng, hiệu quả;
- Thực hiện và đảm bảo công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động trong sản xuất, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy trình, quy phạm, nội quy an toàn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của Tập đoàn CN Than và Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty CN Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP về công tác An toàn – Bảo hộ lao động, tránh để xảy ra các sự cố và tai nạn đáng tiếc;
- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực; Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể; Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở;
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ điện, công tác sáng kiến cải tiến, quản lý tốt chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa tài sản cấp trung đại tu; Duy trì tốt và thực hiện có hiệu quả hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Với các biện pháp nêu trên, Quý I/2016, doanh thu ước tính của công ty đạt 149 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 7,3 tỷ đồng, bằng 25,8% kế hoạch về doanh thu và 34,19% kế hoạch về lợi nhuận năm 2016.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VI Securities) đã tiến hành thu nhập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Dựa trên kết quả kinh doanh các năm qua, năng lực của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI, dự báo tình hình kinh tế và ngành trong thời gian tới, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI dự kiến trong năm 2016 là khả thi nếu không gặp phải những rủi ro không lường trước được và những yếu tố bất khả kháng khác.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: Không có**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có****V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT****1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mã Cổ phiếu: CLH**3. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phiếu

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

10.000.000 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành

Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:

Theo quy định tại mục d khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ: *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết (5.349.700 cổ phiếu) và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*

Danh sách cổ đông là Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty tại thời điểm 29/02/2016.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng chứng khoán sở hữu	Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày niêm yết
1.	Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	73.000	73.000	36.500
2.	Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	52.300	52.300	26.150
3.	Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	38.000	38.000	19.000
4.	Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	10.000	10.000	5.000
5.	Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	6.600	6.600	3.300
6.	Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên Ban Kiểm soát	10.100	10.100	5.050
7.	Lê Bá Chúc	Phó Giám đốc	15.700	15.700	7.850
8.	Nguyễn Văn Tập	Phó Giám đốc	5.700	5.700	2.850

9.	Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Cổ đông lớn là người có liên quan	5.138.300	5.138.300	2.569.150
	Tổng Cộng		5.349.700	5.349.700	2.674.850

Nguồn: CTCP Xi măng La Hiên VVMI

6. Giá trị sổ sách

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Vốn chủ sở hữu (1)	108.837.108.307	118.159.562.710
Nguồn kinh phí và quỹ khác (2)	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành (3)	10.000.000	10.000.000
Giá trị sổ sách một cổ phiếu (4)=((1)-(2))/(3)	10.884	11.816

7. Phương pháp tính giá

7.1. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

7.2. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CLH sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài được quy định theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện nay, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

9. Các loại thuế có liên quan

9.1. Đối với Công ty

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
- Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ – CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT – BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ – CP và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 22% từ ngày 01/01/2014 và giảm xuống còn 20% từ ngày 01/01/2016.

❖ Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%

- ❖ **Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân):** Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

9.2. Đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng khoán

- ❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT – BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT – BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức

Căn cứ theo Thông tư 111/2013/TT – BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực

hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QG12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế

Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật thuế TNDN năm 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 3944 5888

Fax: 04 3944 5889

Email: contact@vise.com.vn

Website: www.vise.com.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3915 2930

Fax: 08 3915 2931

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Hapulico, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh

Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 66644488

Fax: (84-4) 66642233

Website: www.pkf.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Phụ lục 2:** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết
- Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015

BẢN CÁO BẠCH

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 04 năm 2016

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**Giám đốc
NGUYỄN VĂN DŨNG**



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
NGÔ NGỌC SƠN**

**Trưởng ban Kiểm soát
NGUYỄN ANH TUẤN**

**Kế toán trưởng
LÊ THỊ THU HIỀN**

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ VIỆT NAM**



**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Vũ Hoàng Minh**